

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM



CHƯƠNG TRÌNH

ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

NGÀNH: TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ VẬN TẢI

CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ VẬN TẢI VÀ LOGISTICS

(LOGISTICS AND TRANSPORT MANAGEMENT)

MÃ SỐ: 8840103

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ngày tháng năm
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam)*

Hải Phòng – 2020

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ VẬN TẢI VÀ LOGISTICS

(Logistics and transport management)

MÃ SỐ: 8840103

I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo chuyên ngành nhằm trang bị cho học viên những kiến thức lý thuyết cơ bản và kiến thức thực tế chuyên sâu, cần thiết của thạc sĩ về lĩnh vực Quản lý vận tải và Logistics. Hơn nữa, đào tạo cán bộ có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, có ý thức phục vụ nhân dân, đủ sức khoẻ để hoàn thành nhiệm vụ trong thực tiễn chuyên ngành, đưa nền kinh tế của đất nước hội nhập sâu và rộng vào nền kinh tế khu vực và thế giới, thúc đẩy nền kinh tế của đất nước phát triển nhanh, mạnh và bền vững.

Ngoài những kiến thức chung theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, học viên sẽ nắm vững được các kiến thức chuyên sâu, như: Kinh tế học vi mô, kinh tế học vĩ mô, ứng dụng toán trong quản lý, dự báo kinh tế, tổ chức khai thác vận chuyển, tổ chức khai thác cảng, kinh tế hàng hải, quản trị dự án đầu tư trong DN, phân tích kinh tế trong doanh nghiệp Logistics, Marketing trong DN, kinh tế đối ngoại, tổ chức hạch toán kế toán trong doanh nghiệp Logistics, pháp luật vận tải, Logistics trong sản xuất, thương mại và VTB quốc tế; Tổ chức khai thác thương vụ VTB, Logistics quốc tế, Logistics vận tải, Quản trị kho hàng, Marketing trong Logistics, Quản trị chiến lược chuỗi cung ứng, Thiết kế hệ thống, Hệ thống thông tin Logistics v.v.

Sau khi bảo vệ thành công luận văn tốt nghiệp, học viên được cấp bằng Thạc sĩ kinh tế và có khả năng:

- Công tác tại các cơ sở nghiên cứu, đào tạo, các trường Đại học, Cao đẳng, Viện nghiên cứu, sản xuất và quản lý liên quan đến vận tải nói chung và vận tải biển nói riêng;
- Có kiến thức mới, được nâng cao trình độ lý thuyết và thực hành, tiếp cận được với sự phát triển của khoa học kỹ thuật hiện đại của ngành Tổ chức quản lý vận tải và Logistics trên thế giới;
- Có phương pháp để độc lập nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào nghiên cứu thực tế sản xuất và quản lý chuyên ngành;
- Nắm vững phương pháp nghiên cứu khoa học và giảng dạy đại học. Có khả năng làm việc tập thể, nghiên cứu khoa học và triển khai các dự án, ứng dụng kiến thức được đào tạo vào hoạt động sản xuất và đời sống;
- Có kiến thức và kỹ năng thực hành về chuyên ngành ở trình độ cao để áp dụng vào thực tế Tổ chức và Quản lý đội tàu vận tải biển, Cảng biển, Dịch vụ Hàng hải, Dịch vụ Logistics với việc sử dụng hiệu quả các phương pháp toán kinh tế hiện đại trong công nghệ Tổ chức quản lý;
- Có thể tiếp tục làm nghiên cứu sinh ở trong và ngoài nước, v.v.

II. YÊU CẦU ĐỐI VỚI NGƯỜI DỰ TUYỂN

Theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam. Cụ thể:

2.1. Về văn bằng

2.1.1. Tốt nghiệp đại học đúng chuyên ngành hoặc phù hợp với chuyên ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ thì không phải học bổ sung kiến thức gồm: Kinh tế vận tải biển; Kinh tế ngoại thương; Kinh tế vận tải thủy; Logistics và Quản trị chuỗi cung ứng của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

2.1.2. Tốt nghiệp đại học gần với chuyên ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ phải học bổ sung kiến thức trước khi dự thi, theo bảng sau:

Stt	Ngành/chuyên ngành tốt nghiệp đại học gần	Tên môn học bổ sung kiến thức	Số tín chỉ (TC)
1	Kinh tế ngoại thương; Kinh tế quốc tế; Kinh doanh quốc tế; Quản trị kinh doanh; Quản trị doanh nghiệp; Quản trị kinh doanh bảo hiểm; Quản trị tài chính kế toán; Kinh tế vận tải sắt; Kinh tế vận tải ô tô; Kinh tế vận tải hàng không; Khai thác vận tải sắt; Khai thác vận tải ô tô; Khai thác vận tải hàng không; Kinh tế - Tài chính; Kinh tế - Ngân hàng; Kinh tế - Kiểm toán...	1. Kinh tế vận tải 2. Kinh doanh vận tải biển 3. Logistics vận tải	2 2 2
2	Các ngành/chuyên ngành khác sẽ xem xét cụ thể dựa trên chương trình giáo dục đại học của chuyên ngành đó.		

2.2. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn

Không yêu cầu phải có thâm niên công tác chuyên môn kể từ sau khi tốt nghiệp đại học.

III. THỜI GIAN VÀ HÌNH THỨC ĐÀO TẠO

- Đào tạo trình độ thạc sĩ được thực hiện theo hình thức giáo dục chính quy.
- Thời gian đào tạo không tập trung: 2 năm, tập trung: 1,5 năm.

IV. CÁC MÔN THI TUYỂN

- Ngoại ngữ Tiếng Anh: Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định của đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

- Kinh tế học
- Toán cao cấp B.

V. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo trình độ thạc sỹ chuyên ngành Quản lý vận tải và Logistics có tổng số 60 tín chỉ (TC), chi tiết các học phần theo bảng dưới đây:

DANH MỤC CÁC HỌC PHẦN

TT	Ký hiệu học phần		Tên học phần	Số tín chỉ
	Phần chữ	Phần số		
I. Phần kiến thức chung				6
1	VLTH	501	Triết học	3
2	VLAV	502	Anh văn	3
II. Khối kiến thức cơ sở				8
2.1. Các học phần bắt buộc				4
3	VLVM	503	Kinh tế học	2
4	VLPT	504	Phân tích kinh tế trong doanh nghiệp Logistics	2
2.2. Các học phần tự chọn: 4 trong 8 tín chỉ				4
5	VLGD	505	Lý luận giảng dạy đại học	2
6	VLKH	506	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
7	VLDB	507	Dự báo kinh tế	2
8	VLTK	508	Thống kê kinh tế	2
III. Khối kiến thức chuyên ngành				30
3.1. Các học phần bắt buộc				14
9	VLVC	509	Quản lý khai thác đội tàu vận tải biển	2
10	VLCA	510	Quản lý khai thác cảng biển	2
11	VLKT	511	Logistics quốc tế	2
12	VLTC	512	Logistics vận tải	2
13	VLKD	513	Quản trị kho hàng	2
14	VLQT	514	Quản trị dự án đầu tư DN	2
15	VLPL	515	Pháp luật vận tải	2
3.2. Các học phần tự chọn: 16 trong 26 tín chỉ				16
16	VLMA	516	Marketing trong Logistics	2
17	VLGN	517	Quản lý giao nhận hàng hóa quốc tế	2
18	VLĐN	518	Kinh tế đối ngoại	2
19	VLPP	519	Ứng dụng các phương pháp toán trong quản lý vận tải biển	2
20	VLTV	520	Tổ chức khai thác thương vụ VTB	2
21	VLCL	521	Quản trị chiến lược chuỗi cung ứng	2
22	VLLO	522	Logistics trong sản xuất, thương mại và VTB quốc tế	2
23	VLKQ	523	Kế toán quản trị	2
24	VLĐT	524	Quản lý kỹ thuật đội tàu vận tải biển	2
25	VLNL	525	Quản lý năng lượng	2
26	VLQL	526	Quản lý Nhà nước về kinh tế	2

27	VLPT	527	Quản trị hệ thống Logistics	2
28	VLTT	528	Hệ thống thông tin Logistics	2
IV. Luận văn thạc sĩ				16
Tổng cộng				60

Chú ý: Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 - 45 tiết thực hành (TH), thí nghiệm (TN) hoặc thảo luận (TL); 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở; 45 - 60 giờ viết tiểu luận, bài tập lớn (BTL) hoặc luận văn tốt nghiệp (LVTN).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN

1. TRIẾT HỌC

1.1. Tên học phần: Triết học

1.2. Mã số: VLTH 501

1.3. Số tín chỉ: 3 tín chỉ (45 tiết)

1.4. Người phụ trách:

1.5. Khoa: Lý luận chính trị

1.6. Mục tiêu học phần:

- Bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thế giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học và nghiên cứu sinh trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ.

- củng cố nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là chiến lược phát triển khoa học - công nghệ Việt Nam.

1.7. Mô tả học phần: Môn học có 4 chuyên đề.

- Chương 1 gồm các nội dung về đặc trưng của triết học phương Tây, triết học phương Đông (trong đó có tư tưởng triết học Việt Nam, ở mức giản lược nhất).

- Chương 2 gồm các nội dung nâng cao về triết học Mác-Lênin trong giai đoạn hiện nay và vai trò thế giới quan, phương pháp luận của nó.

- Chương 3 đi sâu hơn vào quan hệ tương hỗ giữa triết học với các khoa học, làm rõ vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển khoa học và đối với việc nhận thức, giảng dạy và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ.

- Chương 4 phân tích những vấn đề về vai trò của các khoa học đối với đời sống xã hội.

1.8. Nội dung chi tiết

Chương	Nội dung	Phân phối thời lượng		
		LT (tiết)	TL (tiết)	Tiểu luận (giờ)
1	Khái luận về triết học 1.1. Triết học là gì? 1.2. Triết học phương Đông và triết học phương Tây	8	12	-
2	Triết học Mác – Lênin 2.1. Sự ra đời của triết học Mác - Lênin 2.2. Hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật 2.3. Chủ nghĩa duy vật biện chứng 2.4. Chủ nghĩa duy vật lịch sử 5. Triết học Mác-Lênin trong giai đoạn hiện nay	10	15	-

3	Mối quan hệ giữa triết học và khoa học <i>3.1. Mối quan hệ giữa khoa học với triết học</i> <i>3.2. Vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển khoa học</i>	6	9	-
4	Vai trò của khoa học công nghệ trong sự phát triển xã hội <i>4.1. Ý thức Khoa học</i> <i>4.2. Khoa học công nghệ - động lực của sự phát triển xã hội</i> <i>4.3. Khoa học công nghệ ở Việt Nam</i>	6	9	-
Tổng cộng		30	45	60

Nội dung thảo luận: Các vấn đề chính trong mỗi bài học đặt ra và vận dụng vào thực tiễn.

Nội dung tiểu luận (60 giờ): Học viên bám sát vào chương trình giảng dạy để vận dụng vào giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra.

1.9. Tài liệu học tập và tham khảo

- Tài liệu học tập

+ Chương trình môn Triết học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

+ Giáo trình Triết học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Tài liệu tham khảo

[1]. C. Mác – Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*. NXB CTQG, HN, 50 tập, t.3, t.23, t.38.

[2]. Doãn Chính, Đinh Ngọc Thạch (Chủ biên), Lê Trọng Ân (2003). *Vấn đề triết học trong tác phẩm của C.Mác – Ph.Ăngghen – Lênin*. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[3]. Vũ Trọng Dung, Lê Doãn Tá, Lê Thị Thủy (Đồng chủ biên) (2007). *Giáo trình Triết học Mác – Lênin*, 2 tập. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[4]. *Giáo trình Triết học (Dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành triết học)* (2012). NXB Chính trị - Hành chính, Hà Nội.

[5]. V.I. Lênin (1981), *Toàn tập*. NXB Tiến Bộ, Matxcova, 55 tập, t.18, t.29, t.33, t.44.

1.10. Thang điểm: 10/10

<i>TT</i>	<i>Nội dung đánh giá</i>	<i>Trọng số (%)</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Điểm thảo luận, kiểm tra	20	
2	Điểm tiểu luận	30	
3	Điểm thi kết thúc học phần	50	
Tổng cộng		100	

1.11. Ngày phê duyệt:

Cấp phê duyệt

2. ANH VĂN

2.1. Tên học phần: Anh văn

2.2. Mã số: VLAV 502

2.3. Số tín chỉ: 3 tín chỉ (45 tiết)

2.4. Người phụ trách: ThS. Hoàng Ngọc Diệp

2.5. Khoa: Ngoại ngữ

2.6. Mục tiêu học phần: Học phần này cung cấp cho học viên một lượng kiến thức nhất định và phương pháp thực hiện dạng bài thi ngoại ngữ Tiếng Anh tương đương **cấp độ B2** của Khung Châu Âu Chung hoặc tương đương một cách hiệu quả. Thử chế hóa và giúp cho học viên với hiểu được 4 kỹ năng nói, nghe, đọc, viết theo trình độ ngoại ngữ tương đương **cấp độ B2** của Khung Châu Âu Chung.

Trình độ ngoại ngữ tương đương **cấp độ B2** của Khung Châu Âu Chung (**Phụ lục III**) và dạng thức đề thi ngoại ngữ tương đương **cấp độ B2** của Khung Châu Âu Chung (**Phụ lục IV**) áp dụng cho đào tạo trình độ thạc sĩ được ban hành kèm theo **Thông tư số 10/2011/TT-BGDĐT** ngày 28/02/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.7. Mô tả học phần:

Đây là học phần chung và bắt buộc đối với mọi chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ. Học phần trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản và các kỹ năng làm bài thi theo dạng thức tương đương **cấp độ B2** Khung Châu Âu Chung được đánh giá qua 4 kỹ năng (tổng 100 điểm): **nói (20 điểm)(thi tại lớp), nghe hiểu (20 điểm), đọc hiểu (30 điểm), viết (30 điểm) gồm 3 bài, tổng thời gian làm bài 135 phút.**

Chương	Nội dung	Phân phối thời lượng	
		LT (tiết)	TL (tiết)
Phần kiến thức cơ bản			
1	Family (Gia đình)	2	4
2	Freetime (Thời gian rảnh rỗi)	2	4
3	Hometown (Quê hương)	2	4
4	Weather (Thời tiết)	2	4
5	Work (Công việc)	2	4
6	Hoilday and Travel (Du lịch)	2	4
7	Health (Sức khỏe)	2	3
8	Oral Test (Kiểm tra nói)		5
Phần phương pháp thực hiện dạng bài thi Tiếng Anh cấp độ B2 của Khung Châu Âu chung hoặc tương đương		14	15
Tổng cộng (75)		30	45

2.8. Nội dung chi tiết

Chương 1: Family (Gia đình) (LT 2, TL 4)

- 1.1. Vocabulary (từ vựng): Family (gia đình) / Describing people (Miêu tả người)
- 1.2. Grammar (ngữ pháp): Present tenses (thời hiện tại)/Pronouns (đại từ)
- 1.3. Listening (nghe hiểu): Listening for main ideas and details (nghe ý chính và thông tin chi tiết)
- 1.4. Speaking (nói): Interview, report, & mini presentation (phỏng vấn, tường thuật, và thuyết trình ngắn)
- 1.5. Reading (đọc hiểu): Developing previewing skill & Predicting skill (phát triển kỹ năng bao quát và dự đoán trước khi đọc)
- 1.6. Writing (viết): Describing people (miêu tả người)

Tài liệu tham khảo của chương

- [1]. Miles, C. (2008). Cambridge English Skills: Real Listening and Speaking 1, Cambridge University Press, Cambridge.
- [2]. Neil, J. A. (2007). Active Skills for Reading, Student Book 2 (2nd ed.), Thomson, New York.
- [3]. James, G. (2006). New Headway talking points, (5th ed.), Oxford University Press Inc., Oxford.
- [4]. Olga, G. (2009). Just Speak up 1, Compass Publishing, Sachse.
- [5]. Dorothy, E. Z., & Carlos, Islam. (2009). Paragraph Writing: From Sentence to Paragraph, Macmillan, London.
- [6]. Snelling, R.. Get Ready for Ielts Speaking.

Chương 2: Freetime (Thời gian rảnh rỗi) (LT 2, TL 4)

- 2.1. Vocabulary (từ vựng): Freetime activities (Hoạt động lúc rảnh rỗi)
- 2.2. Grammar (ngữ pháp): Present tenses (cont) (Thì hiện tại – tiếp)/ Adjectives and adverbs (tính từ và trạng từ)
- 2.3. Listening (nghe hiểu): Listening for main ideas and details (nghe ý chính và thông tin chi tiết)
- 2.4. Speaking (nói): Interview, report, & mini presentation (phỏng vấn, tường thuật, và thuyết trình ngắn)
- 2.5. Reading (đọc hiểu): Reading for main ideas and details (đọc hiểu ý chính và thông tin chi tiết)
- 2.6. Writing (viết): Describing favourite activities (mô tả hoạt động yêu thích)

Tài liệu tham khảo chương

- [1]. Miles, C. (2008). Cambridge English Skills: Real Listening and Speaking 1,

Cambridge University Press, Cambridge.

- [2]. Neil, J. A. (2007). Active Skills for Reading, Student Book 2 (2nd ed.), Thomson, New York.
- [3]. James, G. (2006). New Headway talking points, (5th ed.), Oxford University Press Inc., Oxford.
- [4]. Olga, G. (2009). Just Speak up 1, Compass Publishing, Sachse.
- [5]. Dorothy, E. Z., & Carlos, Islam. (2009). Paragraph Writing: From Sentence to Paragraph, Macmillan, London.
- [6]. Snelling, R.. Get Ready for Ielts Speaking.

Chương 3: Hometown (Quê hương) (LT 2, TL 4)

3.1. Vocabulary (từ vựng): Places in cities (Các địa điểm ở thành phố)

Adjectives and Expressions to describe cities

(Tính từ, cụm từ miêu tả thành phố)

3.2. Grammar (ngữ pháp): Past tenses (Thời quá khứ)

Comparison (So sánh)

3.3. Listening (nghe hiểu): Listening for main ideas and details (nghe ý chính và thông tin chi tiết)

3.4. Speaking (nói): Interview, report, & mini presentation (phỏng vấn, tường thuật, và thuyết trình ngắn)

3.5. Reading (đọc hiểu): Reading for main ideas and details (đọc hiểu ý chính và thông tin chi tiết)

3.6. Writing (viết): Describing a city you know and like (mô tả một thành phố)

Tài liệu tham khảo chương

- [1]. Miles, C. (2008). Cambridge English Skills: Real Listening and Speaking 1, Cambridge University Press, Cambridge.
- [2]. Neil, J. A. (2007). Active Skills for Reading, Student Book 2 (2nd ed.), Thomson, New York.
- [3]. James, G. (2006). New Headway talking points, (5th ed.), Oxford University Press Inc., Oxford.
- [4]. Olga, G. (2009). Just Speak up 1, Compass Publishing, Sachse.
- [5]. Dorothy, E. Z., & Carlos, Islam. (2009). Paragraph Writing: From Sentence to Paragraph, Macmillan, London.
- [6]. Snelling, R.. Get Ready for Ielts Speaking.

Chương 4: My favorites (Sở thích của tôi) (LT 2, TL 4)

4.1. Vocabulary (từ vựng): Weather (Thời tiết)

- 4.2. Grammar (ngữ pháp): Modal verbs (Động từ khuyết thiếu)
- 4.3. Listening (nghe hiểu): Listening for main ideas and details (nghe ý chính và thông tin chi tiết)
- 4.4. Speaking (nói): Interview, report, & mini presentation (phỏng vấn, tường thuật, và thuyết trình ngắn)
- 4.5. Reading (đọc hiểu): Guessing the word meaning (1) (đoán nghĩa từ vựng (1))
- 4.6. Writing (viết): Describing your favourite season (mô tả mùa yêu thích)

Tài liệu tham khảo chương

- [1]. Miles, C. (2008). Cambridge English Skills: Real Listening and Speaking 1, Cambridge University Press, Cambridge.
- [2]. Neil, J. A. (2007). Active Skills for Reading, Student Book 2 (2nd ed.), Thomson, New York.
- [3]. James, G. (2006). New Headway talking points, (5th ed.), Oxford University Press Inc., Oxford..
- [4]. Olga, G. (2009). Just Speak up 1, Compass Publishing, Sachse.
- [5]. Dorothy, E. Z., & Carlos, Islam. (2009). Paragraph Writing: From Sentence to Paragraph, Macmillan, London.
- [6]. Snelling, R.. Get Ready for Ielts Speaking.

Chương 5: Work (Công việc) (LT 2, TL 4)

- 5.1. Vocabulary (từ vựng): Jobs (Nghề nghiệp)
- 5.2. Grammar (ngữ pháp): Have to
- 5.3. Listening (nghe hiểu): Listening for main ideas and details (nghe ý chính và thông tin chi tiết)
- 5.4. Speaking (nói): Interview, report, & mini presentation (phỏng vấn, tường thuật, và thuyết trình ngắn)
- 5.5. Reading (đọc hiểu): Guessing the word meaning (2) (đoán nghĩa từ vựng (2))
- 5.6. Writing (viết): Describing your job (mô tả công việc)

Tài liệu tham khảo chương

- [1]. Miles, C. (2008). Cambridge English Skills: Real Listening and Speaking 1, Cambridge University Press, Cambridge.
- [2]. Neil, J. A. (2007). Active Skills for Reading, Student Book 2 (2nd ed.), Thomson, New York.
- [3]. James, G. (2006). New Headway talking points, (5th ed.), Oxford University Press Inc., Oxford.
- [4]. Olga, G. (2009). Just Speak up 1, Compass Publishing, Sachse.

[5]. Dorothy, E. Z., & Carlos, Islam. (2009). Paragraph Writing: From Sentence to Paragraph, Macmillan, London.

[6]. Snelling, R.. Get Ready for Ielts Speaking.

Chương 6: Holidays and Travel (Du lịch) (LT 2, TL 4)

6.1. Vocabulary (từ vựng): Holidays (Du lịch)

6.2. Grammar (ngữ pháp): Be going to (Tương lai gần)

6.3. Listening (nghe hiểu): Inferring skills in listening (nghe suy luận)

6.4. Speaking (nói): Interview, report, & mini presentation (phỏng vấn, tường thuật, và thuyết trình ngắn)

6.5. Reading (đọc hiểu): Inferring skills (kỹ năng suy luận)

6.6. Writing (viết): Describing a special holiday (mô tả một kỳ nghỉ đặc biệt)

Tài liệu tham khảo chương

[1]. Miles, C. (2008). Cambridge English Skills: Real Listening and Speaking 1, Cambridge University Press, Cambridge.

[2]. Neil, J. A. (2007). Active Skills for Reading, Student Book 2 (2nd ed.), Thomson, New York.

[3]. James, G. (2006). New Headway talking points, (5th ed.), Oxford University Press Inc., Oxford.

[4]. Olga, G. (2009). Just Speak up 1, Compass Publishing, Sachse.

[5]. Dorothy, E. Z., & Carlos, Islam. (2009). Paragraph Writing: From Sentence to Paragraph, Macmillan, London.

[6]. Snelling, R.. Get Ready for Ielts Speaking.

Chương 7: Health (Sức khỏe) (LT 2, TL 3)

7.1. Vocabulary (từ vựng): Healthy activities (Các hoạt động tốt cho sức khỏe)

7.2. Grammar (ngữ pháp): Giving advice (Cấu trúc đưa lời khuyên)

Gerund and Infinitive (Danh động từ và động từ nguyên mẫu)

7.3. Listening (nghe hiểu): Inferring skills in listening (nghe suy luận)

7.4. Speaking (nói): Interview, report, & mini presentation (phỏng vấn, tường thuật, và thuyết trình ngắn)

7.5. Reading (đọc hiểu): Inferring skills (kỹ năng suy luận)

7.6. Writing (viết): Describing a healthy activity (mô tả một hoạt động tốt cho sức khỏe)

Tài liệu tham khảo chương

[1]. Miles, C. (2008). Cambridge English Skills: Real Listening and Speaking 1, Cambridge University Press, Cambridge.

- [2]. Neil, J. A. (2007). Active Skills for Reading, Student Book 2 (2nd ed.), Thomson, New York.
- [3]. James, G. (2006). New Headway talking points, (5th ed.), Oxford University Press Inc., Oxford.
- [4]. Olga, G. (2009). Just Speak up 1, Compass Publishing, Sachse.
- [5]. Dorothy, E. Z., & Carlos, Islam. (2009). Paragraph Writing: From Sentence to Paragraph, Macmillan, London.
- [6]. Snelling, R.. Get Ready for Ielts Speaking.

Phần phương pháp thực hiện dạng bài thi ngoại ngữ Tiếng Anh cấp độ B2 của Khung Châu Âu Chung hoặc tương đương (LT 02, TL 15).

Tài liệu tham khảo

- [1]. James, G. (2006). New Headway talking points, (5th ed.), Oxford University Press Inc., Oxford
- [2]. Neil, J. A. (2007). Active Skills for Reading, Student Book 2 (2nd ed.), Thomson, New York.
- [3]. Dorothy, E. Z., & Carlos, Islam. (2009). Paragraph Writing: From Sentence to Paragraph, Macmillan, London.
- [4]. Anita, P., Barbara, J., & Kate, A. (2004). Writing in English, (3rd ed.), Macmillan Education, Macmillan.
- [5]. Cambridge ESOL, (2005). Cambridge IELTS practice test series 1-9, Cambridge University Press, Cambridge.
- [6]. Deborah, P. (2000). Longman Complete Course For The TOEFL Test, Longman.
- [7]. Timothy, D. (2013). TOEFL Grammar Guide: 23 Grammar Rules You Must Know to Guarantee Your Success on the TOEFL Exam, CreateSpace Independent Publishing Platform
- [8]. Dorothy, E.Z., & Carlos, I. (2009). Academic Writing: From Paragraph to Essay, Macmillan, London.

2.10. Thang điểm: 10/10

TT	Nội dung đánh giá	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Điểm thảo luận	30	
2	Điểm thi kết thúc học phần	70	
Tổng cộng		100	

2.11. Ngày phê duyệt:

Cấp phê duyệt: Khoa Ngoại ngữ

3. KINH TẾ HỌC

3.1. Tên học phần: Kinh tế học

3.2. Mã số học phần: VLVM 503

3.3. Số tín chỉ : 2 tín chỉ (30 tiết)

3.4. Người phụ trách: PGS.TS. Nguyễn Hồng Vân

3.5. Bộ môn:

3.6. Mục tiêu học phần: Giúp học viên có kiến thức nền tảng về kinh tế học để nghiên cứu các học phần chuyên ngành và có thể vận dụng vào thực tiễn sau này.

3.7. Mô tả học phần: Trang bị cho học viên những kiến thức nâng cao về: Tổng quan về kinh tế học, Cung, cầu và thị trường vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, Tổng quan về kinh tế học vĩ mô, Nền kinh tế trong dài hạn (Lý thuyết cổ điển), Nền kinh tế trong ngắn hạn (Lý thuyết về chu kỳ kinh doanh).

Chương	Nội dung	Phân phối thời lượng		
		LT (tiết)	TL (tiết)	BTL (giờ)
1	Tổng quan về kinh tế học	1	0	-
2	Cung, cầu và thị trường	1	9	-
3	Vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN	3	9	-
4	Tổng quan về kinh tế học vĩ mô	2	9	-
5	Nền kinh tế trong dài hạn (Lý thuyết cổ điển)	4	9	-
6	Nền kinh tế trong ngắn hạn (Lý thuyết về chu kỳ kinh doanh)	4	9	-
Tổng cộng		15	45	60

3.8. Nội dung chi tiết

Chương 1. Tổng quan về kinh tế học (LT 1)

1.1. Định nghĩa về kinh tế học

1.2. Lý thuyết và mô hình kinh tế

1.3. Kinh tế học thực chứng và kinh tế học chuẩn tắc

1.4. Các tác nhân kinh tế

1.5. Kinh tế học vi mô hay lý thuyết giá cả

1.6. Kinh tế học vĩ mô

1.7. Yếu tố sản xuất

1.8. Một số định nghĩa quan trọng được sử dụng trong kinh tế học

1.9. Mô hình lưu chuyển của nền kinh tế

1.10. Chỉ tiêu GDP và GNP

- Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008). Kinh tế học vi mô (Giáo trình dùng trong các trường đại học, cao đẳng khối Kinh tế, Tái bản lần thứ chín). NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [2]. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Khoa Kinh tế học, Bộ môn Kinh tế Vi mô, Chủ biên TS Vũ Kim Dũng (2003). Hướng dẫn thực hành kinh tế học vi mô. NXB Thống kê.
- [3]. Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (2005). Kinh tế học vi mô (Tái bản lần I). Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.

Chương 2. Cung, cầu và thị trường (LT 1, TL 9)

2.1. Cầu

I. 2.2. Cung

2.3. Tổng hợp cầu và cung

2.4. Tác động của sự can thiệp từ Chính phủ

2.5. Cung và cầu – Cách tiếp cận toán học

2.6. Những ứng dụng của phân tích cầu và cung

Chương 3. Vai trò của Chính phủ trong nền k/tế thị trường định hướng XHCN (LT 3, TL9)

3.1. Những trục trặc của thị trường và nền kinh tế thị trường

3.2. Vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường

Nội dung thảo luận: Những ứng dụng của phân tích độ thỏa dụng, phân tích thị trường cạnh tranh, thị trường các yếu tố sản xuất và vai trò của Chính phủ trong nền k/tế thị trường định hướng XHCN.

Chương 4. Tổng quan về kinh tế học vĩ mô (LT 2, TL 9)

4.1. Các khái niệm chung

4.2. Sản lượng tiềm năng và định luật OKUN

4.3. Tổng cung và tổng cầu

4.4. Mục tiêu và tăng trưởng kinh tế trong dài hạn

4.5. Một số vấn đề kinh tế vĩ mô then chốt

4.6. Đo lường sản lượng quốc gia

Tài liệu tham khảo chương

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2003). Kinh tế học vĩ mô (Giáo trình dùng trong các trường đại học, cao đẳng khối Kinh tế). Nhà xuất bản Giáo dục.
- [2]. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Khoa Kinh tế Chính trị, Chủ biên PGS.TS Trần Quang Lâm (2003). Tập bài giảng Kinh tế vĩ mô (Dùng cho học viên cao học và NCS). Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
- [3]. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Bộ môn Kinh tế vĩ mô, Chủ biên PGS.TS Nguyễn Văn Công (2005). Bài giảng và thực hành Kinh tế vĩ mô (Dùng cho học viên cao học Kinh tế và QTKD). Nhà xuất bản Lao động - Xã hội.

Chương 5. Nền kinh tế trong dài hạn (Lý thuyết cổ điển) (LT 4, TL 9)

5.1. Sản xuất, phân phối và phân bổ thu nhập quốc dân

- 5.2. Tăng trưởng kinh tế
- 5.3. Thất nghiệp
- 5.4. Tiền tệ và lạm phát
- 5.5. Nền kinh tế mở trong dài hạn

Tài liệu tham khảo chương

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2003). Kinh tế học vĩ mô (Giáo trình dùng trong các trường đại học, cao đẳng khối Kinh tế). Nhà xuất bản Giáo dục.
- [2]. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Khoa Kinh tế Chính trị, Chủ biên PGS.TS Trần Quang Lâm (2003). Tập bài giảng Kinh tế vĩ mô (Dùng cho học viên cao học và NCS). Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
- [3]. Trường Đại học Kinh tế TP. HCM, TS Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư, Th.S Phan Nữ Thanh Thủy (2000). Kinh tế vĩ mô. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP. HCM.

Chương 6. Nền kinh tế trong ngắn hạn (Lý thuyết về chu kỳ kinh doanh) (LT 4, TL 9)

- 6.1. Mô hình tổng cầu và tổng cung
- 6.2. Tổng cầu trong nền kinh tế đóng
- 6.3. Tổng cầu trong nền KT mở

3.10. Thang điểm đánh giá: 10/10

<i>TT</i>	<i>Nội dung đánh giá</i>	<i>Trọng số (%)</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Điểm thảo luận, kiểm tra	20	
2	Điểm bài tập lớn	30	
3	Điểm thi kết thúc học phần	50	
Tổng cộng		100	

3.11. Ngày phê duyệt:

Cấp phê duyệt:

4. PHÂN TÍCH KINH TẾ TRONG DOANH NGHIỆP LOGISTICS

4.1. Tên học phần: Phân tích hoạt động kinh tế trong doanh nghiệp Logistics

4.2. Mã số học phần: **VLPT 504**

4.3. Số tín chỉ : 2 tín chỉ (45 tiết)

4.4. Người phụ trách:

4.5. Bộ môn:

4.6. Mục tiêu học phần: Giúp cho học viên biết vận dụng lý luận phân tích các hoạt động kinh tế trong VTB để thực hiện các chuyên đề NCKH phục vụ thực tiễn SXKD.

4.7. Mô tả học phần: Để nghiên cứu học phần này, học viên phải có kiến thức cơ bản về kinh tế vận tải biển, tổ chức kỹ thuật cảng, tổ chức kỹ thuật vận chuyển. Nội dung học phần này trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu về các phương pháp và

kỹ thuật phân tích các hoạt động kinh tế - tài chính trong các Công ty VTB và cảng biển.

Chương	Nội dung	Phân phối thời lượng		
		LT (tiết)	TL (tiết)	BTL (giờ)
1	Khái quát chung về phân tích hoạt động kinh tế	5	9	-
2	Nội dung phân tích hoạt động kinh tế doanh nghiệp vận tải biển	5	15	-
3	Bài tập mẫu về phân tích hoạt động kinh tế doanh nghiệp vận tải biển	5	21	-
Tổng cộng		15	45	60

4.8. Nội dung chi tiết

Chương 1. Khái quát chung về phân tích hoạt động kinh tế (LT 5, TL 9)

- 1.1. Mục đích, ý nghĩa của phân tích hoạt động kinh tế
- 1.2. Đối tượng phân tích và các chỉ tiêu cơ bản trong phân tích hoạt động kinh tế của DN
- 1.3. Phương pháp phân tích hoạt động kinh tế

Tài liệu tham khảo chương

- [1]. TS. Phạm Văn Cương (1999). Tổ chức kỹ thuật vận chuyển. Trường ĐHHH, HP.
- [2]. PGS.TS. Vương Toàn Thuyên (1991). Kinh tế Vận tải biển. Trường ĐH Hàng hải.
- [3]. Trường Đại học Kinh tế quốc dân (2006). Giáo trình phân tích hoạt động kinh tế.

Chương 2. Nội dung phân tích hoạt động kinh tế doanh nghiệp vận tải biển (LT5, TL 15)

- 2.1. Đánh giá chung tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp
- 2.2. Phân tích tình hình thực hiện chỉ tiêu sản lượng và giá trị sản lượng
- 2.3. Phân tích tình hình thực hiện chỉ tiêu lao động và tiền lương
- 2.4. Phân tích tình hình thực hiện chỉ tiêu chi phí và giá thành
- 2.5. Phân tích tình hình thực hiện các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận
- 2.6. Phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp

Tài liệu tham khảo chương

- [1]. TS. Phạm Văn Cương (1999). Tổ chức kỹ thuật vận chuyển. Trường ĐHHH, HP.
- [2]. TS. Phạm Văn Cương (1995). Tổ chức khai thác đội tàu biển. Trường ĐHHH, HP.
- [3]. PGS.TS. Vương Toàn Thuyên (1991). Kinh tế Vận tải biển. Trường ĐHHH.
- [4]. Trường Đại học Kinh tế quốc dân (2006). Giáo trình phân tích hoạt động kinh tế.

Chương 3. Bài tập mẫu về phân tích hoạt động kinh tế doanh nghiệp VTB (LT 5, TL 15)

Nội dung thảo luận: Phân tích, đánh giá hoạt động kinh tế doanh nghiệp VTB Việt Nam.

Nội dung bài tập lớn (60 giờ): Các dạng bài tập lớn, các chuyên đề liên quan đến phân tích hoạt động kinh tế doanh nghiệp VTB.

4.9. Tài liệu tham khảo

- [1]. TS. Phạm Văn Cương (1999). Tổ chức kỹ thuật vận chuyển. Trường ĐHHH, HP.
- [2]. TS. Phạm Văn Cương (1995). Tổ chức khai thác đội tàu biển. Trường ĐHHH, HP.
- [3]. PGS.TS. Vương Toàn Thuyên (1991). Kinh tế Vận tải biển. Trường ĐH Hàng hải.
- [4]. Trường Đại học Kinh tế quốc dân (2006). Giáo trình phân tích hoạt động kinh tế.

4.10. Thang điểm đánh giá : 10/10

TT	Nội dung đánh giá	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Điểm thảo luận, kiểm tra	20	

2	Điểm bài tập lớn	30	
3	Điểm thi kết thúc học phần	50	
Tổng cộng		100	

4.11. Ngày phê duyệt:

Cấp phê duyệt:

5. LÝ LUẬN GIẢNG DẠY ĐẠI HỌC

5.1. Tên học phần: Lý luận giảng dạy đại học

5.2. Mã số học phần : VLGD 505

5.3. Số tín chỉ: 2 tín chỉ (30 tiết)

5.4. Người phụ trách:

5.5. Mục tiêu học phần: Sau khi học học phần này các học viên sẽ nắm vững các kiến thức chung về phương pháp dạy học ở đại học, trên cơ sở đó biết vận dụng, tổ chức hoạt động dạy và học cho sinh viên đạt kết quả cao.

5.6. Mô tả học phần: Đây là học phần mới trong chương trình đào tạo thạc sỹ. Để nghiên cứu học phần này học viên phải có kiến thức cơ bản về môn Triết học và Tâm lý học. Học phần trang bị cho học viên các kiến thức về hoạt động của cán bộ giảng dạy đại học và sinh viên đại học; kiến thức về quá trình dạy và phương pháp dạy học trong trường ĐH, cũng như các kiến thức tổ chức dạy học và c/nghệ hóa quá trình dạy học.

Chương	Nội dung	Phân phối thời lượng	
		LT (tiết)	TL (tiết)
1	Quan điểm mới đối với vai trò của GD-ĐT trong cơ chế thị trường	1	0
2	Tâm lý học, công tác giáo dục ở trường ĐH	1	0
3	Bản chất của quá trình dạy học	2	0
4	Lý thuyết về nội dung trí dục và môn học	1	0
5	Các phương pháp dạy học	6	45
6	Nghiên cứu khoa học về lý luận dạy học	2	0
7	Những xu hướng mới trong lý luận dạy học	2	0
Tổng cộng		15	45

5.7. Nội dung chi tiết

Chương 1: Quan điểm mới đối với vai trò của GDĐT trong cơ chế thị trường (LT 01)

1.1. Những đặc trưng đào tạo ở các nước kém phát triển

1.2. Giáo dục và đào tạo là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Tài liệu tham khảo của chương:

[1]. Các kết luận của hội nghị quốc tế những người được giải thưởng Nôben. Thông tin chuyên đề của viện NCGD, số 8/1989.

Chương 2: Tâm lý học và công tác giáo dục ở trường đại học (LT 01)

2.1. Khái niệm tâm lý học. Nhiệm vụ của tâm lý học

2.2. Vai trò và nhiệm vụ của tâm lý học sư phạm đại học trong quá trình đào tạo ĐH.

Tài liệu tham khảo của chương:

[1]. Vũ Cao Đàm. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học. NXB KHKT, HN, 1999.

[2]. Tô Duy Hợp, Nguyễn Anh Tuấn. *Logic học*. NXB Đồng Nai, 1997.

Chương 3: Bản chất của quá trình dạy học (LT 02)

3.1. Học là gì?

3.2. Dạy là gì?

3.3. Quá trình dạy học tối ưu.

Tài liệu tham khảo của chương:

[1]. Patrice Pelpel. *Tự đào tạo để dạy học (bản dịch Nguyễn Kỳ)*. NXBGD, HN 1998.

Chương 4: Lý thuyết về nội dung trí dục và môn học (LT 01)

Tài liệu tham khảo của chương:

[1]. Lê Ng. Long. *Thử đi tìm những p/pháp dạy học hiệu quả*. NXBGD, HN 1998.

[2]. Patrice Pelpel. *Tự đào tạo để dạy học (bản dịch Nguyễn Kỳ)*. NXBGD, HN 1998.

Chương 5: Các phương pháp dạy học (LT 06, TL 45)

5.1. Tổng quan về phương pháp dạy học đại học

5.2. Phân loại các phương pháp

5.3. Tổ chức của người thầy giáo

5.4. Các phương pháp giảng dạy phổ biến

Nội dung thảo luận: Các phương pháp giảng dạy đại học.

Tài liệu tham khảo của chương:

[1]. Lê Ng. Long. *Thử đi tìm những p/pháp dạy học hiệu quả*. NXBGD, HN 1998.

Chương 6: Nghiên cứu khoa học về lý luận dạy học (LT 02)

Tài liệu tham khảo của chương:

[1]. Lê Ng. Long. *Thử đi tìm những p/pháp dạy học hiệu quả*. NXBGD, HN 1998.

[2]. Patrice Pelpel. *Tự đào tạo để dạy học (bản dịch Nguyễn Kỳ)*. NXBGD, HN 1998.

Chương 7: Những xu hướng mới trong lý luận dạy học (LT 02)

Tài liệu tham khảo của chương:

[1]. Tô Duy Hợp, Nguyễn Anh Tuấn. *Logic học*. NXB Đồng Nai, 1997.

5.8. Tài liệu tham khảo

[1]. *Các kết luận của hội nghị quốc tế những người được giải thưởng Nụ ben*. Thông tin chuyên đề của viện NCGD, số 8/1989.

[2]. Tô Duy Hợp, Nguyễn Anh Tuấn. *Logic học*. NXB Đồng Nai, 1997.

[3]. Lê Ng. Long. *Thử đi tìm những p/pháp dạy học hiệu quả*. NXBGD, HN 1998.

[4]. Patrice Pelpel. *Tự đào tạo để dạy học (bản dịch Nguyễn Kỳ)*. NXBGD, HN 1998.

[5]. Vũ Cao Đàm. *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. NXB KHKT, HN, 1999.

5.9. Thang điểm: 10/10

<i>TT</i>	<i>Nội dung đánh giá</i>	<i>Trọng số (%)</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Điểm thảo luận, kiểm tra	30	
2	Điểm thi kết thúc học phần	70	
Tổng cộng		100	

5.10. Ngày phê duyệt:

Cấp phê duyệt:

6. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

6.1. Tên học phần: Phương pháp nghiên cứu khoa học

6.2. Mã số học phần : VLKH 506

6.3. Số tín chỉ : 2 tín chỉ

6.4. Người phụ trách: PGS.TS. Nguyễn Hồng Vân

6.5. Mục tiêu học phần: Trang bị cho các học viên khả năng viết một công trình nghiên cứu khoa học, viết chuyên đề và luận văn tốt nghiệp.

6.6. Mô tả học phần: Là học phần cơ sở của chương trình đào tạo cao học, cung cấp cho các học viên các kiến thức về các phương pháp NCKH, phương pháp lựa chọn một đề tài NCKH, cách trình bày và bảo vệ một công trình KH, cách viết một luận văn KH.

Chương	Nội dung	Phân phối thời lượng		
		LT (tiết)	TL (tiết)	BTL (giờ)
1	Khoa học và nghiên cứu khoa học	3	0	-
2	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	9	9	-
3	“Công nghệ” nghiên cứu khoa học	3	6	-
4	Nghiên cứu khoa học chuyên ngành	0	3 0	-
Tổng cộng		15	45	60

6.7. Nội dung chi tiết

Chương 1: Khoa học và nghiên cứu khoa học (LT 03)

1.1. Khái niệm về khoa học và phân loại khoa học

1.1.1 Khái niệm khoa học

1.1.2 Phân loại khoa học

1.2. Những vấn đề chung về nghiên cứu khoa học

1.2.1 Các quá trình nghiên cứu khoa học

1.2.2 Các nguyên tắc nghiên cứu khoa học

Tài liệu tham khảo của chương

[1]. PGS.,TS. Phạm Viết Vượng. *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. NXB ĐHQG. Hà Nội, 2000.

[2]. I.I. Krynietxky. *Cơ sở nghiên cứu khoa học*. NXB. Vitxa Skola, Kiev-Ođexa, 1981.

Chương 2: Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (LT 9, TL 9)

2.1. Nghiên cứu lý thuyết

2.2. Nghiên cứu thực nghiệm

2.2.1 Lập kế hoạch thực nghiệm

2.2.2 Xử lý kết quả thực nghiệm

2.3. Trình bày kết quả nghiên cứu

2.3.1 Các dạng sản phẩm khoa học

2.3.2 Khuyến nghị trình bày các tài liệu

2.4. Hiệu quả nghiên cứu khoa học

Nội dung thảo luận: Tập trung hướng thảo luận về phương pháp luận nghiên cứu lý thuyết, phương pháp luận nghiên cứu thực nghiệm ; nội dung của các phương pháp nghiên cứu lý thuyết và nghiên cứu thực nghiệm ; cách thức trình bày kết quả nghiên cứu và cách tính hiệu quả của nghiên cứu khoa học.

Tài liệu tham khảo của chương

[1]. PGS.,TS. Phạm Viết Vượng. *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. NXB ĐHQG. Hà Nội, 2000.

[2]. I.I. Krynietzky. *Cơ sở nghiên cứu khoa học*. NXB. Vitxa Skola, Kiev-Ođexa, 1981.

Chương 3: Công nghệ nghiên cứu khoa học (LT 3, TL 6)

3.1. Khái niệm chung

3.2. Sơ đồ công nghệ

Nội dung thảo luận: Cách thức xác định nhiệm vụ chính và các nhiệm vụ bổ sung ; các kết quả có được sau khi giải quyết các nhiệm vụ ; lập sơ đồ hóa mối quan hệ giữa chúng và quan hệ với mục đích nghiên cứu, ý nghĩa khoa học của đề tài nghiên cứu.

[1]. I.I. Krynietzky. *Cơ sở nghiên cứu khoa học*. NXB. Vitxa Skola, Kiev-Ođexa, 1981.

Chương 4: Nghiên cứu khoa học chuyên ngành (TL 30)

Nội dung thảo luận: Thảo luận về khoa học chuyên ngành: cách chọn đề tài, tiến hành nghiên cứu, tập hợp phân tích kết quả và trình bày nội dung báo cáo kết quả nghiên cứu, cách viết báo cáo trong khi bảo vệ kết quả nghiên cứu (Ví dụ có thể thảo luận cách chọn đề tài luận văn thạc sĩ, tiến sĩ; quá trình thực hiện; cách lập báo cáo, thuyết minh ...).

Tài liệu tham khảo của chương:

[1]. PGS.,TS. Phạm Viết Vượng. *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. NXB ĐHQG. Hà Nội, 2000.

[2]. I.I. Krynietzky. *Cơ sở nghiên cứu khoa học*. NXB. Vitxa Skola, Kiev-Ođexa, 1981.

[3]. Bùi Thanh Tuất. *Logic học hình thức*. Viện ng/cứu phát triển giáo dục. HN, 1995.

[4]. TS. Nhật Từ. *Cẩm nang viết khảo luận, luận văn, luận án*. NXB TP. HCM, 2003.

[5]. Các luận văn, luận án chuyên ngành tương ứng được lưu tại Trung tâm thông tin tư liệu, Trường Đại học Hàng hải, giai đoạn từ 2005 - 2011.

Nội dung bài tập lớn (60 giờ): Học viên tự chọn và thực hành nghiên cứu một đề tài khoa học chuyên ngành, trình bày kết quả.

6.8. Tài liệu tham khảo

[1]. Vũ Cao Đàm. *Phương pháp nghiên cứu khoa học*. NXB KHK. Hà Nội, 1999.

[2]. Lưu Xuân Mới. *Phương pháp nghiên cứu khoa học*.

[3]. Bùi Thanh Tuất. *Logic học hình thức*. Viện n/cứu phát triển giáo dục. HN, 1995.

[4]. TS. Nhật Từ. *Cẩm nang viết khảo luận, luận văn, luận án*. NXB TP. HCM, 2003.

[5]. Nguyễn Thị Cành. *Phương pháp và phương pháp luận nghiên cứu khoa học kinh tế*. NXB ĐHQG TP. HCM, 2004.

[6]. Nguyễn Minh Hiệp, Lê Ngọc Oánh, Dương Thúy Hương. *Tổng quan Khoa học Thông tin và Thư viện*. NXB. ĐHQG TP. HCM, 2001.

[7]. PGS.,TS. Phạm Viết Vượng. *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. NXB ĐHQG. Hà Nội, 2000.

[8]. I.I. Krynietzky. *Cơ sở nghiên cứu khoa học*. NXB. Vitxa Skola, Kiev-Ođexa, 1981.

6.9. Thang điểm: 10/10

<i>TT</i>	<i>Nội dung đánh giá</i>	<i>Trọng số (%)</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Điểm thảo luận	20	
2	Điểm bài tập lớn	30	
3	Điểm thi kết thúc học phần	50	
Tổng cộng		100	

6.10. Ngày phê duyệt:

Cấp phê duyệt:

7. DỰ BÁO KINH TẾ

7.1. Tên học phần: Dự báo kinh tế

7.2. Mã số học phần: VLDB 507

7.3. Số tín chỉ : 2 tín chỉ (30 tiết)

7.4. Người phụ trách:

7.5. Bộ môn:

7.6. Mục tiêu học phần: Học viên nắm vững kiến thức chung về phương pháp dự báo kinh tế trong VTB, trên cơ sở đó biết vận dụng để thực hiện các chuyên đề NCKH phục vụ thực tiễn sản xuất kinh doanh VTB.

7.7. Mô tả học phần: Để nghiên cứu học phần này, học viên phải có kiến thức cơ bản về toán cao cấp, lý thuyết xác suất, thống kê toán, kinh tế học vi mô, vĩ mô. Nội dung của học phần này trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về dự báo kinh tế và các phương pháp, mô hình dự báo kinh tế trong VTB.

<i>Chương</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Phân phối thời lượng</i>		
		<i>LT (tiết)</i>	<i>TL (tiết)</i>	<i>BTL (giờ)</i>
1	Tổng quan về dự báo kinh tế - xã hội	1	0	-
2	Dự báo bằng phương pháp ngoại suy	2	6	-
3	Dự báo bằng p/pháp san mũ và chuỗi thời vụ	2	6	-
4	Dự báo bằng mô hình một nhân tố	2	6	-
5	Dự báo bằng mô hình đa nhân tố	2	6	-
6	Dự báo dựa trên mô hình cân đối	2	6	-
7	Dự báo bằng phương pháp chuyên gia	2	6	-
8	Dự báo vốn đầu tư và vốn sản xuất	2	9	-
Tổng cộng		15	45	60

7.8. Nội dung chi tiết

Chương 1. Tổng quan về dự báo kinh tế - xã hội (LT 1)

1.1. Vị trí, vai trò của dự báo trong quản lý kinh tế - xã hội

1.2. Phân loại dự báo

1.3. Các nguyên tắc dự báo

1.4. Tiêu chuẩn lựa chọn phương pháp dự báo

1.5. Các phương pháp đánh giá dự báo

Tài liệu tham khảo chương

[1]. Đại học kinh tế quốc dân. Giáo trình dự báo phát triển kinh tế - xã hội (2003). Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.

[2]. PGS. TS Nguyễn Thị Cảnh. Các mô hình tăng trưởng và dự báo kinh tế - Lý thuyết và thực nghiệm (2004). Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3]. PGS. TS Bùi Minh Trí. Toán kinh tế (1998). NXB Viện Đại học mở, Hà Nội.

Chương 2. Dự báo bằng phương pháp ngoại suy (LT 2, TL 6)

2.1. Chuỗi thời gian

2.2. Nội dung phương pháp dự báo ngoại suy

2.3. Xây dựng hàm xu thế phi tuyến

2.4. Dự báo dựa trên mô hình tăng trưởng và bão hòa

Tài liệu tham khảo chương

[1]. Đại học kinh tế quốc dân. Giáo trình dự báo phát triển kinh tế - xã hội (2003). Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.

[2]. PGS. TS Nguyễn Thị Cảnh. Các mô hình tăng trưởng và dự báo kinh tế - Lý thuyết và thực nghiệm (2004). Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương 3. Dự báo bằng phương pháp san mũ và chuỗi thời vụ (LT 2, TL 6)

3.1. Dự báo bằng phương pháp san mũ

3.2. Dự báo bằng phương pháp thời vụ

Chương 4. Dự báo bằng mô hình một nhân tố (LT 2, TL 6)

4.1. Véc tơ ngẫu nhiên 2 chiều

4.2. Mô hình 1 nhân tố tuyến tính đơn

4.3. Mô hình 1 nhân tố phi tuyến

4.4. Tỷ số tương quan

4.5. Dự báo khoảng tin cậy

Tài liệu tham khảo chương

[1]. Đại học kinh tế quốc dân. Giáo trình dự báo phát triển kinh tế - xã hội (2003). Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.

[2]. PGS. TS Bùi Minh Trí. Toán kinh tế (1998). NXB Viện Đại học mở, Hà Nội.

[3]. Hoàn Đức Hải. Toán kinh tế (1996). Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.

[4]. Võ Văn Huy. Ứng dụng “PSSS for Windows” để phân tích và xử lý dữ kiện nghiên cứu (1997). Nhà xuất bản KHKT, Hà Nội.

Chương 5. Dự báo bằng mô hình đa nhân tố (LT 2, TL 6)

5.1. Giới thiệu chung

5.2. Mô hình đa nhân tố tuyến tính m biến

5.3. Mô hình đa nhân tố nhiều biến phi tuyến

Tài liệu tham khảo chương

[1]. Đại học kinh tế quốc dân. Giáo trình dự báo phát triển kinh tế - xã hội (2003). Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.

[2]. PGS. TS Bùi Minh Trí. Toán kinh tế (1998). NXB Viện Đại học mở, Hà Nội.

Chương 6. Dự báo dựa trên mô hình cân đối (LT 2, TL 6)

6.1. Vai trò của mô hình cân đối trong dự báo

6.2. Phân loại các mô hình cân đối

6.3. Mô hình cân đối tĩnh và cách tính

6.4. Bảng cân đối liên ngành động

Chương 7. Dự báo bằng phương pháp chuyên gia (LT 2, TL 6)

7.1. Tổng quan về phương pháp

7.2. Lựa chọn chuyên gia

7.3. Trưng cầu ý kiến

7.4. Phân tích khách quan trưng cầu ý kiến chuyên gia

Tài liệu tham khảo chương

[1]. Đại học kinh tế quốc dân. Giáo trình dự báo phát triển kinh tế - xã hội (2003). Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.

[2]. PGS. TS Nguyễn Thị Cảnh. Các mô hình tăng trưởng và dự báo kinh tế - Lý thuyết và thực nghiệm (2004). Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương 8. Dự báo vốn đầu tư và vốn sản xuất (LT 2, TL 9)

8.1. Quan hệ giữa vốn sản xuất và vốn đầu tư

8.2. Dự báo giá trị thời gian của tiền

8.3. Chuỗi Gradient

8.4. Lãi suất danh nghĩa, lãi suất thực

8.5. Tính giá trị tương đương khi ghép lãi liên tục

8.6. Phân tích dự án theo giá trị tương đương

8.7. Dự báo nhu cầu vốn cố định, lưu động, vốn đầu tư bằng mô hình cân đối liên ngành

Nội dung thảo luận: Phân tích dự báo kinh tế trong VTB bằng các phương pháp, mô hình, trên cơ sở đó biết vận dụng để thực hiện các chuyên đề NCKH phục vụ thực tiễn sản xuất kinh doanh VTB.

Nội dung bài tập lớn (60 giờ): Dự báo kinh tế và các phương pháp, mô hình dự báo kinh tế trong VTB và các chuyên đề liên quan.

7.9. Tài liệu tham khảo

[1]. Đại học kinh tế quốc dân. Giáo trình dự báo phát triển kinh tế - xã hội (2003). Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.

[2]. PGS. TS Nguyễn Thị Cảnh. Các mô hình tăng trưởng và dự báo kinh tế - Lý thuyết và thực nghiệm (2004). Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3]. PGS. TS Bùi Minh Trí. Toán kinh tế (1998). NXB Viện Đại học mở, Hà Nội.

[4]. Hoàn Đức Hải. Toán kinh tế (1996). Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.

[5]. Võ Văn Huy. Ứng dụng “PSSS for Windows” để phân tích và xử lý dữ kiện nghiên cứu (1997). Nhà xuất bản KHKT, Hà Nội.

7.10. Thang điểm đánh giá : 10/10

<i>TT</i>	<i>Nội dung đánh giá</i>	<i>Trọng số (%)</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Điểm thảo luận, kiểm tra	30	
2	Điểm thi kết thúc học phần	70	
Tổng cộng		100	

7.11. Ngày phê duyệt:

Cấp phê duyệt:

8. THÔNG KÊ KINH TẾ

8.1. Tên học phần: Thống kê kinh tế

8.2. Mã số học phần: **VLTK 508**

8.3. Số tín chỉ : **2 tín chỉ (30 tiết)**

8.4. Người phụ trách:

8.5. Bộ môn:

8.6. Mục tiêu học phần: Giúp cho học viên biết vận dụng lý luận về thống kê kinh tế để thực hiện các chuyên đề NCKH phục vụ thực tiễn SXKD VTB.

8.7. Mô tả học phần: Để nghiên cứu học phần này, học viên phải có kiến thức cơ bản về Kinh tế học, Dự báo kinh tế, kinh tế vận tải biển. Nội dung của học phần trang bị học viên kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ thống kê kinh tế.

Chương	Nội dung	Phân phối thời lượng	
		LT (tiết)	TL (tiết)
1	Tổng quan chung về thống kê kinh tế	3	6
2	Thống kê tài khoản quốc gia	3	6
3	Thống kê nguồn lực sản xuất	3	6
4	Thống kê kết quả sản xuất	3	6
5.	Thống kê mức sống dân cư	3	6
Tổng cộng		15	30

8.8. Nội dung chi tiết

Chương 1. Tổng quan chung về thống kê kinh tế

- 1.1. Khái niệm, vai trò của Thống kê kinh tế.
- 1.2. Các nguyên tắc thống kê kinh tế.
- 1.3. Các tiêu chí, chỉ tiêu thống kê.
- 1.4. Các loại số tương đối, tuyệt đối, bình quân.

Chương 2. Thống kê tài khoản quốc gia

- 2.1. Một số khái niệm
- 2.2. Hệ thống chỉ tiêu chủ yếu.
- 2.3. Những phân tổ chính của SNA

Chương 3. Thống kê nguồn lực sản xuất

- 3.1. Thống kê dân số.
- 3.2. Thống kê lao động.
- 3.3. Thống kê của cải quốc dân

Chương 4. Thống kê kết quả sản xuất

- 4.1. Thống kê giá trị sản xuất
- 4.2. Thống kê sản phẩm trong nước
- 4.3. Thống kê năng suất.

Chương 5. Thống kê mức sống dân cư

- 5.1. Khái niệm chung
- 5.2. Hệ thống chỉ tiêu

8.9. Tài liệu tham khảo

- [1]. TS. Bùi Đức Triệu. *Giáo trình thống kê kinh tế*. NXB Thống kê, Hà Nội, 2004
- [2]. PGS. TS Trần Ngọc Phác. *Giáo trình lý thuyết thống kê*. NXB Thống kê, HN, 2006

- [3]. *Giáo trình thống kê doanh nghiệp*. Đại học Kinh tế quốc dân, 2006
- [4]. *Phương pháp biên soạn SNA ở Việt Nam*. NXB Thống kê, HN. 2003
- [5]. PGS.TS Nguyễn Văn Trình. *Giáo trình Kinh tế đối ngoại*. NXB ĐHQG HCM, 2005

8.10. Thang điểm đánh giá: 10/10

TT	Nội dung đánh giá	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Điểm thảo luận, kiểm tra	20	
2	Điểm bài tập lớn	30	
3	Điểm thi kết thúc học phần	50	
Tổng cộng		100	

8.11. Ngày phê duyệt:

Cấp phê duyệt:

9. QUẢN LÝ KHAI THÁC ĐỘI TÀU VẬN TẢI BIỂN

9.1. Tên học phần: Tổ chức khai thác đội tàu vận tải biển

9.2. Mã số học phần: VLVC 509

9.3. Số tín chỉ : 2 tín chỉ

9.4. Người phụ trách:

9.5. Bộ môn:

9.6. Mục tiêu học phần:

Việc học tập, nghiên cứu công tác tổ chức khai thác đội tàu vận tải biển là rất cần thiết đối với các học viên sau đại học chuyên ngành Tổ chức và quản lý vận tải. Môn học sẽ trang bị cho các học viên những kiến thức về Cung-Cầu trong vận tải đường biển, các xu hướng phát triển đội tàu biển thế giới, các chiến lược quản lý đội tàu và các phương pháp khai thác đội tàu vận tải biển.

9.7. Mô tả học phần:

Để nghiên cứu học phần này, học viên phải có kiến thức cơ bản về toán cao cấp, lý thuyết xác suất, thống kê toán, kinh tế học vi mô, vĩ mô. Nội dung của học phần này trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về đội tàu vận tải biển, các phương pháp khai thác tàu và tổ chức vận chuyển hàng hóa bằng vận tải đa phương thức.

Chương	Nội dung	Phân phối thời lượng		
		LT (tiết)	TL (tiết)	BTL (giờ)
1	Tổng quan về đội tàu vận tải biển và quản lý đội tàu biển	4	10	-
2	Các phương pháp tổ chức khai thác vận chuyển hàng hóa bằng đường biển	4	10	-
3	Tổ chức khai thác vận chuyển container	4	15	-
4	Tổ chức vận chuyển hàng hóa bằng vận tải đa phương thức	3	10	-

Tổng cộng	15	45	60
-----------	----	----	----

9.8. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Tổng quan về đội tàu vận tải biển và quản lý đội tàu biển

1.1 Tổng quan về đội tàu biển

1.2 Tổng quan về quản lý đội tàu biển

Chương 2: Các phương pháp tổ chức khai thác vận chuyển bằng đường biển

2.1. Tổ chức vận tải bằng tàu chuyên

2.2. Tổ chức vận tải bằng tàu định tuyến

Chương 3: Tổ chức khai thác vận chuyển container

3.1. Tổng quan về vận tải hàng hóa bằng container

3.2. Quy trình tổ chức vận tải hàng hóa bằng container

Chương 4: Tổ chức vận chuyển hàng hóa bằng vận tải đa phương thức

4.1. Tổng quan về vận tải đa phương thức

4.2. Tổ chức chuyên chở hàng hóa bằng vận tải đa phương thức

Nội dung thảo luận: Theo chuyên đề của từng chương.

Nội dung bài tập lớn: Bài tập và chuyên đề liên quan đến chính sách kinh tế xã hội cơ bản.

9.9. Tài liệu tham khảo

1. PGS.TS. Phạm Văn Cương (chủ biên), TS Nguyễn Hữu Hùng (2012). Tổ chức kỹ thuật vận chuyển. Trường Đại học Hàng hải
2. TS. Phạm Văn Cương (1995). *Tổ chức khai thác đội tàu vận tải biển (Tập 1)*. Trường Đại học Hàng hải.
3. TSKH. Nguyễn Văn Chương (1996). *Phương thức vận tải tiên tiến trong vận chuyển đường biển thế giới*. Nhà xuất bản Giao thông Vận tải, Hà Nội.
4. Martin Stopford (1997). *Maritime Economics*, London.
5. Bộ Luật Hàng hải Việt Nam năm 2005. Nhà xuất bản Chính trị Quốc Gia.
6. Nghị định số 87/NĐ-CP/2009 của Chính phủ về vận tải đa phương thức.
7. Nghị định 89/NĐ-CP/2011 của Chính phủ về việc bổ sung, sửa đổi NĐ 87/2009 về vận tải đa phương thức.
8. Quy tắc của UNCTAD/ICC về chứng từ VTĐPT

9.10. Thang điểm: 10/10

TT	Nội dung đánh giá	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Điểm thảo luận, kiểm tra	20	
2	Điểm bài tập lớn	30	
3	Điểm thi kết thúc học phần	50	
Tổng cộng		100	

9.11 Ngày phê duyệt:

Cấp phê duyệt:

10. QUẢN LÝ KHAI THÁC CẢNG BIỂN

10.1. Tên học phần: Tổ chức khai thác cảng biển

10.2. Mã số học phần: VLCA 510

10.3. Số tín chỉ : 2 tín chỉ (30 tiết)

10.4. Người phụ trách:

10.5. Bộ môn:

10.6. Mục tiêu học phần: Giúp cho học viên có thể nghiên cứu và tổ chức các hoạt động khai thác cảng đạt hiệu quả cao.

10.7. Mô tả học phần: Để nghiên cứu học phần này, học viên phải có kiến thức cơ bản về kinh tế vận tải biển, logistics. Nội dung của học phần này trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu về hoạt động tổ chức khai thác cảng và những vấn đề liên quan đến tổ chức quản lý cảng.

Chương	Nội dung	Phân phối thời lượng		
		LT (tiết)	TL (tiết)	BTL (giờ)
1	Những vấn đề cơ bản của công tác khai thác cảng biển	3	15	-
2	Các hình thức khai thác cảng	6	15	-
3	Công tác Tổ chức và quản lý	6	15	-
Tổng cộng		15	45	60

10.8. Nội dung chi tiết

Chương 1. Những vấn đề cơ bản của công tác khai thác cảng biển (LT 3, TL 15)

- 1.1. Đặc tính chung của cảng
- 1.2. Những thành phần kỹ thuật của cảng
- 1.3. Cơ sở xếp dỡ, bảo quản hàng hóa

Tài liệu tham khảo chương

- [1]. TSKH. Phan Văn Nhiệm (1985). Khai thác cảng. Nhà xuất bản GTVT, Hà Nội.
- [2]. TS. Nguyễn Văn Sơn, ThS. Lê Thị Nguyên (1999). Tổ chức khai thác cảng. Trường Đại học Hàng hải, Hải Phòng.
- [3]. PGS. TS. Vương Toàn Thuyên (1991). Kinh tế vận tải biển. Trường Đại học Hàng hải, Hải Phòng.

Chương 2. Các hình thức khai thác cảng (LT 6, TL 15)

- 2.1. Hoạt động phục vụ của cảng
- 2.2. Đặc tính của đối tượng phục vụ cảng
- 2.3. Các hình thức khai thác cảng

Tài liệu tham khảo chương

- [1]. TSKH. Phan Văn Nhiệm (1985). Khai thác cảng. Nhà xuất bản GTVT, Hà Nội.
- [2]. TS. Nguyễn Văn Sơn, ThS. Lê Thị Nguyên (1999). Tổ chức khai thác cảng. Trường Đại học Hàng hải, Hải Phòng.
- [3]. PGS. TS. Vương Toàn Thuyên (1991). Kinh tế vận tải biển. Trường ĐH Hàng hải.
- [4]. TSKH. Nguyễn Văn Chương (1996). Phương thức vận tải tiên tiến trong vận chuyển đường biển thế giới. Nhà xuất bản Giao thông Vận tải, Hà Nội.

Chương 3. Công tác Tổ chức và quản lý (LT 6, TL 15)

- 3.1. Quản lý và điều hành cơ quan cảng
- 3.2. Tổ chức phục vụ kỹ thuật ở cảng
- 3.3. Tổ chức lao động ở cảng

3.4. Sự phối hợp hoạt động khai thác cảng

Nội dung thảo luận: Phân tích, đánh giá các hoạt động, tổ chức phục vụ và các hoạt động kỹ thuật ở cảng để đạt hiệu quả kinh tế cao.

Nội dung bài tập lớn (60 giờ): Các dạng bài tập lớn, các chuyên đề liên quan đến tổ chức kỹ thuật cảng.

10.9. Tài liệu tham khảo

- [1]. TSKH. Phan Văn Nhiệm (1985). Khai thác cảng. Nhà xuất bản GTVT, Hà Nội.
- [2]. TS. Nguyễn Văn Sơn, ThS. Lê Thị Nguyên (1999). Tổ chức khai thác cảng. Trường Đại học Hàng hải, Hải Phòng.
- [3]. PGS. TS. Vương Toàn Thuyên (1991). Kinh tế vận tải biển. Trường ĐH Hàng hải.
- [4]. TSKH. Nguyễn Văn Chương (1996). Phương thức vận tải tiên tiến trong vận chuyển đường biển thế giới. Nhà xuất bản Giao thông Vận tải, Hà Nội.
- [5]. Organizajai Technicka Transportu Morskiefu (1997), pod Redakfor Jerszego Kujawu, WVG, Gdansk.
- [6]. Martin Stopford (1995). Maritime Economics, London.

10.10. Thang điểm đánh giá: 10/10

TT	Nội dung đánh giá	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Điểm thảo luận, kiểm tra	20	
2	Điểm bài tập lớn	30	
3	Điểm thi kết thúc học phần	50	
Tổng cộng		100	

10.11. Ngày phê duyệt:

Cấp phê duyệt:

11. LOGISTICS QUỐC TẾ

11.1. Tên học phần: Logistics quốc tế

11.2. Mã số: VLQT 511

11.3. Số tín chỉ: 2 tín chỉ (30 tiết)

11.4. Người phụ trách:

11.5. Khoa: Kinh tế

11.6. Mục tiêu học phần:

- Hệ thống hóa kiến thức về các hoạt động thương mại, vận tải và giao nhận quốc tế, những thách thức mà thương mại, vận tải và giao nhận quốc tế phải đối mặt.

- Cung cấp các kỹ năng tổ chức, quản lý, thực hiện các hoạt động logistics xuyên biên giới và xử lý các vấn đề phát sinh trong các hoạt động này.

11.7. Mô tả học phần: Môn học có 4 chuyên đề.

- Chương 1 nghiên cứu các bộ phận của Logistics quốc tế và các xu hướng đang tác động đến Logistics quốc tế

- Chương 2 nghiên cứu các hoạt động Logistics quốc tế chủ yếu và các thách thức phát sinh trong các hoạt động này.

- Chương 3 nghiên cứu các chiến lược được ứng dụng trong Logistics quốc tế để đối phó với các thách thức trong chương 2.

- Chương 4 phân tích chuyên đề các kinh nghiệm trong tổ chức, quản lý Logistics xuyên biên giới tiêu biểu trên thế giới.

11.8. Nội dung chi tiết

Chương	Nội dung	Phân phối thời lượng		
		LT (tiết)	TL (tiết)	Tiểu luận (giờ)
1	Tổng quan về Logistics quốc tế 1.1. Các bộ phận của Logistics quốc tế 1.2. Các xu hướng trong thương mại quốc tế và tác động đến Logistics quốc tế	3	9	
2	Các hoạt động Logistics quốc tế chủ yếu 2.1. Hoạt động xuất nhập khẩu 2.2. Hoạt động vận tải xuyên biên giới 2.3. Hoạt động giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu 2.4 Hoạt động bảo quản, tồn trữ	6	9	
3	Chiến lược Logistics quốc tế hiện đại 3.1. Các chiến lược trong vận tải giao nhận 3.2. Các chiến lược trong bảo quản, tồn trữ	3	9	
4	Phân tích chuyên đề Logistics quốc tế 4.1. Chuyên đề về hoạt động Logistics quốc tế của các công ty đa quốc gia 4.2. Chuyên đề Logistics quốc tế đối với hàng nguy hiểm, hàng siêu trường siêu trọng 4.3. Chuyên đề Logistics quốc tế đối với các vấn đề pháp lý, bảo vệ môi trường	3	18	
Tổng cộng		15	45	60

Nội dung thảo luận: Các vấn đề chính trong mỗi bài học đặt ra và vận dụng vào thực tiễn.

Nội dung tiểu luận (60 giờ): Học viên bám sát vào chương trình giảng dạy để vận dụng vào giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra.

11.9. Tài liệu học tập và tham khảo

- Tài liệu học tập

David, Pierre. 2013, International Logistics: The Management of International Trade Operations, 4th edition, Cicero Books.

- Tài liệu tham khảo

[1] Chaudhuri, K.N. (1965\1999). The English East India Company: The Study of an Early Joint-stock Company 1600-1640 (Vol. 4). London: Routledge/Thoemmes Press

[2] Field, Alan, “The Infrastructure in China’s Remote Regions is Improving, but Foreign Companies Must Exercise Patience and Rely on Experienced Partners,” *Journal of Commerce*, November 15, 2004, pp. 18-23.

[3] Zubrzycki, John, “In City of Joy, Foot-Power Loses Pull with Rickshaw Ban,” *Christian Science Monitor*, December 11, 1996, p. 1.

[4] Marquand, Robert, “Driving in Delhi: Chaos of Cars, Carts and Cows,” *The Journal of Commerce*, August 18, 1999, p. 1.

[5] Morris, Nigel, “The Big Question: Has the Congestion Charge Been Effective in Reducing London’s Traffic?” *The Independence*, February, 2008.

[6] Dillon, Sam, “Can’t Find Juarez Street? There are Hundreds!” *New York Times*, January 12, 2000.

11.10. Thang điểm: 10/10

<i>TT</i>	<i>Nội dung đánh giá</i>	<i>Trọng số (%)</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Điểm thảo luận, kiểm tra	20	
2	Điểm tiểu luận	30	
3	Điểm thi kết thúc học phần	50	
Tổng cộng		100	

11.11. Ngày phê duyệt:

Cấp phê duyệt

12. LOGISTICS VẬN TẢI

12.1. Tên học phần: **Logistics vận tải**

12.2. Mã số: **VLVT 512**

12.3. Số tín chỉ: **2 tín chỉ (30 tiết)**

12.4. Người phụ trách:

12.5. Khoa: **Kinh tế**

12.6. Mục tiêu học phần:

- Hệ thống hóa kiến thức về các hoạt động tổ chức, khai thác vận tải và những thách thức mà các doanh nghiệp vận tải, giao nhận phải đối mặt.

- Cung cấp các kỹ năng tổ chức, quản lý, thực hiện các hoạt động vận tải và xử lý các vấn đề phát sinh trong các hoạt động này.

12.7. Mô tả học phần: Môn học có 4 chuyên đề.

- Chương 1 nghiên cứu tổng quan các hoạt động chủ yếu của Logistics vận tải và các thách thức đối với hoạt động vận tải hiện nay

- Chương 2 nghiên cứu các đặc trưng khai thác của Logistics vận tải trong vận chuyển đường bộ, đường sắt, đường hàng không, đường thủy, đường ống

- Chương 3 nghiên cứu vận tải đa phương thức và các vấn đề pháp lý liên quan đến vận tải đa phương thức

- Chương 4 phân tích chuyên đề các kinh nghiệm trong tổ chức, quản lý Logistics vận tải

12.8. Nội dung chi tiết

Chương	Nội dung	Phân phối thời lượng		
		LT (tiết)	TL (tiết)	Tiểu luận (giờ)
1	Tổng quan về Logistics vận tải 1.1. Các hoạt động chủ yếu của Logistics vận tải 1.2. Các thách thức đối với Logistics vận tải hiện nay	3	9	
2	Đặc trưng khai thác của các phương thức vận tải 2.1. Vận tải đường bộ 2.2. Vận tải đường sắt 2.3. Vận tải đường thủy 2.4. Vận tải hàng không 2.5. Vận tải đường ống	6	9	
3	Vận tải đa phương thức 3.1. Các mô hình vận tải đa phương thức tiêu biểu 3.2. Khung pháp lý của vận tải đa phương thức	3	9	
4	Phân tích chuyên đề Logistics vận tải 4.1. Chuyên đề về vận tải đường bộ xuyên biên giới 4.2. Chuyên đề về vận tải thủy nội địa 4.3. Chuyên đề về vận tải chặng cuối trong thương mại điện tử	3	18	
Tổng cộng		15	45	60

Nội dung thảo luận: Các vấn đề chính trong mỗi bài học đặt ra và vận dụng vào thực tiễn.

Nội dung tiểu luận (60 giờ): Học viên bám sát vào chương trình giảng dạy để vận dụng vào giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra.

12.9. Tài liệu học tập và tham khảo

- Tài liệu học tập

Coyle, J.J., Novack, R. A. and Gibson, B. J. (2016), Transportation: A Global Supply Chain Perspective, 7th edition, Cengage Learning, Boston, MA, USA.

- Tài liệu tham khảo

- [1]. PGS.TS Phạm Văn Cương (1995) , Tổ chức khai thác đội tàu biển, tập 1. Đại học Hàng hải Việt Nam
- [2]. PGS. TS Phạm Văn Cương; TS Nguyễn Hữu Hùng (2012), Tổ chức kỹ thuật vận chuyển. Nhà xuất bản Hàng Hải.
- [3]. Cục đường bộ Việt Nam (2006). Nghiệp vụ vận tải. NXB Giao thông vận tải
- [4]. GS.TS Hoàng Văn Châu. TS. Trịnh Thị Thu Hương, Th.S Vương Thị Bích Ngà (2009). Logistics và vận tải quốc tế. NXB Thông tin và Truyền thông.
- [5]. TS Nguyễn Hữu Hùng (2014), Kinh tế vận chuyển đường biển. Nhà xuất bản Hàng

hải.

[6]. PGS.TS Đinh Ngọc Viện (2002), Giao nhận vận tải hàng hóa quốc tế. NXB Giao thông vận tải

[7]. Dong-Wook Song and Photis M Panayides (2015). Maritime Logistics. Kogan Pgage Limited, Lodon.

[8]. Harald Gleissner and J. Christian Femerling (2013). Logistics. Springer Intenationla Published Swizerland (Transport Systems -P53, P171,Transport logistics Concepts - P182)

12.10. Thang điểm: 10/10

<i>TT</i>	<i>Nội dung đánh giá</i>	<i>Trọng số (%)</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Điểm thảo luận, kiểm tra	20	
2	Điểm tiểu luận	30	
3	Điểm thi kết thúc học phần	50	
Tổng cộng		100	

12.11. Ngày phê duyệt:

Cấp phê duyệt

13. QUẢN TRỊ KHO HÀNG

13.1. Tên học phần: Quản trị kho hàng

13.2. Mã số: VLKH 513

13.3. Số tín chỉ: 2 tín chỉ (30 tiết)

13.4. Người phụ trách:

13.5. Khoa: Kinh tế

13.6. Mục tiêu học phần:

- Hệ thống hóa kiến thức về các hoạt động thiết kế, quản lý và khai thác kho hàng cũng như những thách thức trong bảo quản hàng hóa và quản trị tồn trữ

- Cung cấp các phương pháp thiết kế, quản lý, khai thác kho hàng và xử lý các vấn đề phát sinh trong các hoạt động này.

13.7. Mô tả học phần: Môn học có 4 chuyên đề.

- Chương 1 nghiên cứu tổng quan về kho hàng, phân loại kho hàng và vai trò của kho hàng trong chuỗi cung ứng hiện đại ngày nay

- Chương 2 nghiên cứu các nguyên tắc trong thiết kế kho hàng và các phương pháp tính toán trong thiết kế kho hàng

- Chương 3 nghiên cứu các hoạt động quản lý, khai thác kho hàng chủ yếu

- Chương 4 phân tích chuyên đề các kinh nghiệm trong quản lý, khai thác kho hàng

13.8. Nội dung chi tiết

<i>Chương</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Phân phối thời lượng</i>
---------------	-----------------	-----------------------------

		<i>LT (tiết)</i>	<i>TL (tiết)</i>	<i>Tiểu luận (giờ)</i>
1	Tổng quan về kho hàng <i>1.1. Khái niệm, phân loại, chức năng của kho hàng</i> <i>1.2. Vị trí, vai trò của kho hàng trong chuỗi cung ứng hiện đại</i>	3	9	
2	Thiết kế kho hàng <i>2.1. Các bộ phận chính của kho hàng</i> <i>2.2. Các trang thiết bị trong kho hàng</i> <i>2.3. Các nguyên tắc thiết kế kho hàng</i>	3	9	
3	Các hoạt động quản lý, khai thác kho hàng <i>3.1. Hoạt động nhập kho</i> <i>3.2. Hoạt động đưa hàng vào kho</i> <i>3.3 Hoạt động rút hàng</i> <i>3.4 Hoạt động xuất kho</i> <i>3.5 Quản trị tồn trữ</i>	6	9	
4	Phân tích chuyên đề quản lý, khai thác kho hàng <i>4.1. Chuyên đề về kho lạnh</i> <i>4.2. Chuyên đề về trung tâm phân phối</i> <i>4.3. Chuyên đề về cross-docking</i>	3	18	
Tổng cộng		15	45	60

Nội dung thảo luận: Các vấn đề chính trong mỗi bài học đặt ra và vận dụng vào thực tiễn.

Nội dung tiểu luận (60 giờ): Học viên bám sát vào chương trình giảng dạy để vận dụng vào giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra.

13.9. Tài liệu học tập và tham khảo

- Tài liệu học tập

Gwynne Richards (2014), Warehouse management: A Complete Guide to improving efficiency and Minimizing Costs in the Modern Warehouse, Kogan Page.

- Tài liệu tham khảo

[1]. TS Phan Thanh Lâm (2014). Quản trị kho hàng. NXB phụ nữ

[2]. Ths. Trương Đoàn Thê (1999). Quản trị sản xuất và tác nghiệp. NXB thủy lợi

[3]. PGS.TS Đặng Công Xưởng (2013). Đại lý tàu biển và Giao nhận hàng hóa tại cảng. NXB Hàng hải

[4]. Gwynne Richards (2014). Warehouse Management. Kogan Page Limited

[5] Bussiness Logistics Management

[6]. The Handbook of Logistics and Distribution Management

[7]. Harald Gleissner and J. Christian Femerling (2013). Logistics. Springer Intenationla Published Swizerland (Warehouse, Handling, and Picking Systems- P95)

13.10. Thang điểm: 10/10

<i>TT</i>	<i>Nội dung đánh giá</i>	<i>Trọng số (%)</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Điểm thảo luận, kiểm tra	20	
2	Điểm tiểu luận	30	
3	Điểm thi kết thúc học phần	50	
Tổng cộng		100	

13.11. Ngày phê duyệt:**Cấp phê duyệt****14. QUẢN TRỊ DỰ ÁN ĐẦU TƯ DOANH NGHIỆP****14.1. Tên học phần:** Quản trị dự án đầu tư doanh nghiệp**14.2. Mã số học phần:** **VLQT 514****14.3. Tổng số tín chỉ:** 2 tín chỉ**14.4. Người phụ trách:****14.5. Bộ môn:****14.6. Mục tiêu học phần:**

Giúp cho học viên biết vận dụng lý luận lập Dự án và quản lý dự án đầu tư trong doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp vận tải, Logistic nói riêng để thực hiện các chuyên đề NCKH phục vụ thực tiễn quản trị các dự án đầu tư.

14.7. Mô tả học phần:

Trang bị cho học viên kiến thức nâng cao về hoạt động đầu tư nói chung và đầu tư phát triển nói riêng; nắm được nội dung công tác quản lý, kế hoạch hóa hoạt động đầu tư, nhận biết các chỉ tiêu thể hiện kết quả và hiệu quả của hoạt động đầu tư; trình tự tiến hành soạn thảo một dự án đầu tư; nội dung của một dự án đầu tư và các vấn đề liên quan đến thẩm định dự án.

<i>Chương</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Phân phối thời lượng</i>		
		<i>LT (tiết)</i>	<i>TL (tiết)</i>	<i>BTL (giờ)</i>
1	Tổng quan về hoạt động đầu tư	1	3	
2	Nguồn vốn đầu tư	3	9	
3	Tổ chức quản lý và kế hoạch hóa đầu tư	3	9	
4	Kết quả và hiệu quả hoạt động đầu tư	4	12	
5	Phương pháp luận về lập dự án đầu tư và thẩm định dự án đầu tư	4	12	
Tổng cộng		15	45	60

14.8. Nội dung chi tiết**Chương 1:** Tổng quan về hoạt động đầu tư

1.1. Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu

1.2. Những vấn đề lý luận về hoạt động đầu tư và đầu tư phát triển

1.2.1. Khái niệm và phân loại hoạt động đầu tư

1.2.2. Mối quan hệ giữa các loại hình đầu tư

1.2.3. Vai trò của đầu tư phát triển đối với nền kinh tế

1.2.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến chỉ tiêu đầu tư

Tài liệu tham khảo chương:

(1) PGS.TS Nguyễn Bạch Nguyệt, TS. Từ Quang Phương. Giáo trình kinh tế đầu tư, trang 7-47, NXB Đại học KTQD, HN, 2012

Chương 2: Nguồn vốn đầu tư

2.1. Khái niệm và bản chất của nguồn vốn đầu tư.

2.2. Các nguồn huy động vốn đầu tư.

2.3. Điều kiện huy động có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư

Tài liệu tham khảo chương:

(1) PGS.TS Nguyễn Bạch Nguyệt, TS. Từ Quang Phương. Giáo trình kinh tế đầu tư, trang 49-68. NXB Đại học KTQD, HN, 2012.

Chương 3: Tổ chức quản lý và kế hoạch hóa đầu tư

3.1. Khái niệm, mục tiêu và nguyên tắc quản lý hoạt động đầu tư.

3.2. Nội dung, phương pháp và công cụ quản lý hoạt động đầu tư.

3.3. Kế hoạch hóa hoạt động đầu tư.

Tài liệu tham khảo chương:

(1) PGS.TS Nguyễn Bạch Nguyệt, TS. Từ Quang Phương. Giáo trình kinh tế đầu tư, trang 71-103. NXB Đại học KTQD, HN, 2012.

Chương 4: Kết quả và hiệu quả hoạt động đầu tư

4.1. Kết quả của hoạt động đầu tư phát triển.

4.2. Hiệu quả của hoạt động đầu tư, hệ thống các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của dự án đầu tư.

Tài liệu tham khảo chương:

(1) PGS.TS Nguyễn Bạch Nguyệt, TS. Từ Quang Phương. Giáo trình kinh tế đầu tư, trang 113-179. NXB Đại học KTQD, HN, 2012.

Chương 5: Phương pháp luận về lập dự án đầu tư và thẩm định dự án đầu tư

5.1. Phương pháp luận về lập dự án đầu tư.

5.2. Thẩm định dự án đầu tư

Tài liệu tham khảo chương:

(1) PGS.TS Nguyễn Bạch Nguyệt, TS. Từ Quang Phương. Giáo trình kinh tế đầu tư, trang 185-235. NXB Đại học KTQD, HN, 2012.

Nội dung thảo luận:

Các tình huống và xử lý tình huống trong quản trị dự án đầu tư trong doanh nghiệp.

Nội dung bài tập lớn:

Theo chuyên đề liên quan đến quản trị dự án đầu tư trong doanh nghiệp.

14.9. Tài liệu tham khảo

(1) PGS.TS Nguyễn Bạch Nguyệt, TS. Từ Quang Phương. Giáo trình kinh tế đầu tư, trang 7-47, NXB Đại học KTQD, HN, 2012

(2) Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ: Về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

(3) Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009: Về sửa đổi bổ sung một số điều của

Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

(4) Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009: Về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

(5) Thông tư 04/2003/TT-BKH của Bộ Kế hoạch và đầu tư: Về việc Hướng dẫn thẩm tra, thẩm định dự án đầu tư, sửa đổi bổ sung một số điểm về hồ sơ thẩm định dự án, Báo cáo đầu tư và Tổng mức đầu tư.

14.10. Thang điểm đánh giá: 10/10

TT	Nội dung đánh giá	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Điểm thảo luận, kiểm tra	20	
2	Điểm bài tập lớn	30	
3	Điểm thi kết thúc học phần	50	
Tổng cộng		100	

14.11. Ngày phê duyệt

Cấp phê duyệt

15. PHÁP LUẬT VẬN TẢI

15.1. Tên học phần: **Pháp luật vận tải**

15.2. Mã số học phần: **VLPL 515**

15.3. Số tín chỉ : **2 tín chỉ (30 tiết)**

15.4. Người phụ trách:

15.5. Bộ môn:

15.6. Mục tiêu học phần: Giúp cho học viên biết vận dụng lý luận các chế định pháp luật trong VTB để thực hiện các chuyên đề NCKH phục vụ thực tiễn SXKD VTB.

15.7. Mô tả học phần: Để nghiên cứu môn học này, học viên phải có kiến thức cơ bản về kinh tế vận tải biển, tổ chức kỹ thuật cảng, tổ chức kỹ thuật vận chuyển. Nội dung của môn học này trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu về các chế định pháp luật trong Bộ Luật Hàng hải Việt Nam năm 2005 và các Công ước Quốc tế liên quan đến vận tải biển. Sau khi học xong môn học này, học viên nắm vững kiến thức chung về Luật Hàng hải các Công ước Quốc tế liên quan đến vận tải biển.

Chương	Nội dung	Phân phối thời lượng		
		LT (tiết)	TL (tiết)	BTL (giờ)
1	Bộ Luật Hàng hải Việt Nam năm 2005	3	9	-
2	Các mẫu hợp đồng và vận đơn thông dụng dùng trong VTB	3	9	-
3	Một số Công ước Quốc tế liên quan đến VTB	6	18	-
4	WTO và cam kết của Việt Nam liên quan đến ngành GTVT	3	9	-

Tổng cộng	15	45	60
-----------	----	----	----

15.8. Nội dung chi tiết

Chương 1. Bộ Luật Hàng hải Việt Nam năm 2005 (LT 3, TL 9)

- 1.1. Những điểm mới của Bộ Luật Hàng hải Việt Nam năm 2005 so với Bộ Luật Hàng hải Việt Nam năm 1990
- 1.2. Tàu biển và thuyền bộ
- 1.3. Cảng biển, cảng vụ, hoa tiêu và thanh tra an toàn hàng hải
- 1.4. Vận chuyển hàng hóa bằng đường biển
- 1.5. Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải
- 1.6. Hợp đồng thuê tàu
- 1.7. Giải quyết một số sự cố Hàng hải

Tài liệu tham khảo chương

- [1]. Bộ Luật Hàng hải Việt Nam năm 2005. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2]. PGS. TS. Trần Đắc Sửu (1993). *Tóm tắt các Công ước của Tổ chức Hàng hải quốc tế*. Nhà xuất bản Giao thông vận tải, Hà Nội.

Chương 2. Các mẫu hợp đồng và vận đơn thông dụng dùng trong VTB (LT 3, TL 9)

- 2.1. Mẫu hợp đồng thuê tàu chuyển GENCON 1922/1976/1994 của BIMCO
- 2.2. Mẫu hợp đồng thuê tàu định hạn BALLTIME 1939 của BIMCO
- 2.3. Mẫu hợp đồng thuê tàu trần BARCON 1939 của BIMCO
- 2.4. Mẫu hợp đồng mua bán tàu SALEFORM 1993 của BIMCO
- 2.5. Mẫu hợp đồng mua bán tàu NIPPON SALE 1993 của Nhật
- 2.6. Vận đơn được dùng với các hợp đồng thuê tàu, mã tên “CONGENBILL”
- 2.7. Vận đơn tàu chợ, mã tên “CONLINEBILL”

Tài liệu tham khảo chương

- [1]. PGS. TS. Phạm Văn Cương (1999). *Bài giảng Pháp luật vận tải biển*. Trường Đại học Hàng hải, Hải Phòng.
- [2]. Choley & Giles. *Shipping Law*, 704 P.
- [3]. IMO. *Maritime Law for Ship's Officers, Model Course 2.04*.
- [4]. Các văn bản về WTO.
- [5]. Sổ tay pháp luật hàng hải - Cục Hàng hải Việt Nam (2003).

Chương 3. Một số Công ước Quốc tế liên quan đến VTB (LT 6, TL 18)

- 3.1. Công ước BRUSSELS năm 1924
- 3.2. Nghị định thư năm 1968 bổ sung Công ước BRUSSELS năm 1924
- 3.3. Nghị định thư năm 1979 bổ sung Công ước BRUSSELS năm 1924, nghị định thư năm 1968
- 3.4. Công ước của Liên hợp quốc về chuyên chở hàng hóa bằng đường biển năm 1978
- 3.5. Những qui tắc thống nhất cho một số chứng từ vận tải tổng hợp
- 3.6. Công ước năm 1980 của Liên hợp quốc về vận tải hàng hóa đa phương thức quốc tế

Tài liệu tham khảo chương

- [1]. PGS. TS. Phạm Văn Cương (1999). *Bài giảng Pháp luật vận tải biển*. Trường Đại học Hàng hải, Hải Phòng.
- [2]. Choley & Giles. *Shipping Law*, 704 P.
- [3]. IMO. *Maritime Law for Ship's Officers, Model Course 2.04*.

[4]. Các văn bản về WTO.

[5]. Sổ tay pháp luật hàng hải - Cục Hàng hải Việt Nam (2003).

Chương 4. WTO và cam kết của Việt Nam liên quan đến ngành GTVT (LT 3, TL 9)

4.1. Tổng quan về WTO

4.2. Hệ thống các Hiệp định của WTO

4.3. Nội dung biểu cam kết dịch vụ của Việt Nam khi gia nhập WTO về lĩnh vực VTB

Nội dung thảo luận: Tình hình áp dụng, thực hiện Bộ luật hàng hải VN, những khó khăn, thách thức khi gia nhập WTO và các công ước Quốc tế liên quan đến VTB tại VN.

Nội dung bài tập lớn (60 giờ): Các chuyên đề liên quan đến tổ pháp luật VTB.

15.9. Tài liệu tham khảo

[1]. PGS. TS. Phạm Văn Cương (1999). *Bài giảng Pháp luật vận tải biển*. Trường Đại học Hàng hải, Hải Phòng.

[2]. Bộ Luật Hàng hải Việt Nam năm 2005. *Nhà xuất bản Chính trị quốc gia*, Hà Nội.

[3]. PGS. TS. Trần Đức Sửu (1993). *Tóm tắt các Công ước của Tổ chức Hàng hải quốc tế*. Nhà xuất bản Giao thông vận tải, Hà Nội.

[4]. Choley & Giles. *Shipping Law*, 704 P.

[5]. IMO. *Maritime Law for Ship's Officers, Model Course 2.04*.

[6]. Các văn bản về WTO.

[7]. Sổ tay pháp luật hàng hải - Cục Hàng hải Việt Nam (2003).

15.10. Thang điểm đánh giá: 10/10

TT	Nội dung đánh giá	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Điểm thảo luận, kiểm tra	20	
2	Điểm bài tập lớn	30	
3	Điểm thi kết thúc học phần	50	
Tổng cộng		100	

15.11. Ngày phê duyệt:

Cấp phê duyệt:

16. MARKETING LOGISTICS

16.1. Tên học phần: **Marketing Logistics**

16.2. Mã số: **VLMA 516**

16.3. Số tín chỉ: **2 tín chỉ (30 tiết)**

16.4. Người phụ trách:

16.5. Khoa: **Kinh tế**

16.6. Mục tiêu học phần:

- Hệ thống hóa kiến thức về các chiến lược Marketing và các nguyên lý trong quản lý, thực hiện hoạt động Marketing trong mối quan hệ chặt chẽ với hoạt động logistics của doanh nghiệp

- Cung cấp các phương pháp tổ chức, quản lý, đánh giá hoạt động Marketing và xử lý các vấn đề phát sinh trong các hoạt động này.

16.7. Mô tả học phần: Môn học có 4 chuyên đề.

- Chương 1 nghiên cứu tổng quan về Marketing và mối quan hệ giữa Marketing, mức độ dịch vụ khách hàng và Logistics
- Chương 2 nghiên cứu các chiến lược marketing
- Chương 3 nghiên cứu marketing trong thị trường toàn cầu
- Chương 4 nghiên cứu Quản lý marketing logistics

16.8. Nội dung chi tiết

Chương	Nội dung	Phân phối thời lượng		
		LT (tiết)	TL (tiết)	Tiểu luận (giờ)
1	Tổng quan về Marketing 1.1. Các khái niệm cơ bản về Marketing 1.2. Mối quan hệ giữa Marketing và Logistics	3	9	
2	Chiến lược Marketing 2.1. Lập chiến lược Marketing 2.2. Chiến lược sản phẩm 2.3. Chiến lược giá	3	9	
3	Marketing trong thị trường toàn cầu 3.1. Thay đổi trong môi trường marketing toàn cầu 3.2. Nguồn gốc của lợi thế marketing 3.3. Cạnh tranh bằng tạo lập giá trị khách hàng 3.4. Vai trò hỗ trợ của logistics đối với chiến lược marketing	3	18	
4	Quản lý Marketing logistics 4.1. Chuyển đổi từ quản lý theo chức năng sang quản lý theo quá trình 4.2. Chuyển đổi từ tập trung sản phẩm sang định hướng khách hàng 4.3. Tập trung nâng cao hiệu quả hoạt động 4.4. Phát triển chiến lược Logistics toàn cầu	6	9	
Tổng cộng		15	45	60

Nội dung thảo luận: Các vấn đề chính trong mỗi bài học đặt ra và vận dụng vào thực tiễn.

Nội dung tiểu luận (60 giờ): Học viên bám sát vào chương trình giảng dạy để vận dụng vào giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra.

16.9. Tài liệu học tập và tham khảo

- Tài liệu học tập

Martin Christopher, “Marketing Logistics”, second edition, Routledge (2003)

- Tài liệu tham khảo

- [1] PGS, TS. Nguyễn Xuân Quang, “Giáo trình marketing thương mại”, NXB LĐXH

(2005)

[2] Philip Kotler, “Marketing Management”, 14th edition, Prentice Hall (2011)

[3] PGS, TS. Trần Minh Đạo, “Marketing”, tái bản lần 4, NXB Thống kê (2006)

[4]. TS. Trương Đình Chiến, *Quản trị thương hiệu hàng hoá*, NXB Thống kê, HN, 2005.

[5]. PTS. Lưu Văn Nghiêm, *Quản trị marketing dịch vụ*, Nhà xuất bản Lao động, 1997

16.10. Thang điểm: 10/10

TT	Nội dung đánh giá	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Điểm thảo luận, kiểm tra	20	
2	Điểm tiểu luận	30	
3	Điểm thi kết thúc học phần	50	
Tổng cộng		100	

16.11. Ngày phê duyệt:

Cấp phê duyệt

17. QUẢN LÝ GIAO NHẬN HÀNG HÓA QUỐC TẾ

17.1. Tên học phần: **Giao nhận hàng hóa quốc tế**

17.2. Mã số học phần: **VLGN 517**

17.3. Số tín chỉ : **2 tín chỉ (30 tiết)**

17.4. Người phụ trách:

17.5. Bộ môn:

17.6. Mục tiêu học phần: Giúp cho học viên biết vận dụng cơ sở lý luận và các Công ước quốc tế liên quan đến Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu để thực hiện các chuyên đề NCKH phục vụ thực tiễn SXKD trong VTB.

17.7. Mô tả học phần: Để nghiên cứu môn học này, học viên phải có kiến thức cơ bản về kinh tế vận tải biển, tổ chức kỹ thuật cảng, tổ chức kỹ thuật vận chuyển, kinh tế đối ngoại. Nội dung của môn học này trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu về các quy định và các Công ước Quốc tế liên quan đến giao nhận hàng hóa. Sau khi học xong môn học này, học viên nắm vững kiến thức chung về các Công ước Quốc tế liên quan đến Giao nhận.

Chương	Nội dung	Phân phối thời lượng		
		LT (tiết)	TL (tiết)	BTL (giờ)
1	Những vấn đề chung về giao nhận hàng hóa	3	9	-
2	Các Công ước Quốc tế liên quan đến giao nhận hàng hóa.	3	9	-
3	Các mẫu hợp đồng và chứng từ dùng trong giao nhận hàng hóa quốc tế	6	18	-
4	Một số lưu ý trong giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường biển	3	9	-

Tổng cộng	15	45	60
-----------	----	----	----

17.8. Nội dung chi tiết

Chương 1. Những vấn đề chung về giao nhận hàng hóa (LT 3, TL 9)

- 1.1. Những khái niệm chung
- 1.2. Trách nhiệm của các bên trong giao nhận
- 1.3. Các loại hàng hóa giao nhận trong vận chuyển đường biển
- 1.4. Các loại hợp đồng giao nhận
- 1.5. Quy trình giao nhận hàng không đóng trong container
- 1.6. Giao nhận hàng container

Tài liệu tham khảo chương

- [1]. TS. Dương Văn Bạo (2014), Giáo trình Giao nhận hàng hóa quốc tế. Nhà xuất bản Hàng hải, Hải Phòng.
- [2]. PGS. TS. Trần Đức Sửu (1993). *Tóm tắt các Công ước của Tổ chức Hàng hải quốc tế*. Nhà xuất bản Giao thông vận tải, Hà Nội.

Chương 2. Các Công ước Quốc tế liên quan đến giao nhận (LT 6, TL 18)

- 3.1. Công ước BRUSSELS năm 1924
- 3.2. Nghị định thư năm 1968 bổ sung Công ước BRUSSELS năm 1924
- 3.3. Nghị định thư năm 1979 bổ sung Công ước BRUSSELS năm 1924, nghị định thư năm 1968
- 3.4. Những qui tắc thống nhất cho một số chứng từ vận tải tổng hợp
- 3.5. Công ước Hague - Visby

Tài liệu tham khảo chương

- [1]. PGS. TS. Đinh Ngọc Viện (2001). *Giao nhận hàng hóa vận chuyển bằng đường biển*. Trường Đại học Hàng hải, Hải Phòng.
- [2]. Choley & Giles. *Shipping Law*, 704 P.
- [3]. IMO. *Maritime Law for Ship's Officers, Model Course 2.04*.
- [4]. Các văn bản về WTO.

Chương 3. Các mẫu hợp đồng và chứng từ dùng trong giao nhận hàng hóa quốc tế (LT 3, TL 9)

- 2.1. Mẫu hợp đồng giao nhận hàng rời
- 2.2. Mẫu hợp đồng giao nhận hàng container
- 2.3. Vận đơn được dùng với các hợp đồng thuê tàu chuyến, vận đơn tàu định tuyến
- 2.4. Các loại chứng từ giao nhận thông thường

Tài liệu tham khảo chương

- [1]. PGS. TS. Đinh Ngọc Viện (2001). *Giao nhận hàng hóa vận chuyển bằng đường biển*. Trường Đại học Hàng hải, Hải Phòng.
- [2]. Choley & Giles. *Shipping Law*, 704 P.
- [3]. IMO. *Maritime Law for Ship's Officers, Model Course 2.04*.
- [4]. Các văn bản về WTO.

Chương 4. Một số lưu ý trong giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường biển (LT 3, TL 9)

- 4.1. Những rủi ro phát sinh trong giao nhận

4.2. Lưu ý về hợp đồng và chứng từ giao nhận

4.3. Lưu ý về quy trình giao nhận và chi phí phát sinh

Nội dung thảo luận: Tình hình áp dụng, thực hiện các công ước Quốc tế liên quan đến giao nhận tại VN.

Nội dung bài tập lớn (60 giờ): Các chuyên đề liên quan đến giao nhận hàng hóa.

17.9. Tài liệu tham khảo

[1]. PGS. TS. Đinh Ngọc Viện (2001). *Giao nhận hàng hóa vận chuyển bằng đường biển*. Trường Đại học Hàng hải, Hải Phòng.

[3]. PGS. TS. Trần Đức Sửu (1993). *Tóm tắt các Công ước của Tổ chức Hàng hải quốc tế*. Nhà xuất bản Giao thông vận tải, Hà Nội.

[4]. Choley & Giles. *Shipping Law*, 704 P.

[5]. IMO. *Maritime Law for Ship's Officers, Model Course 2.04*.

[6]. Các văn bản về WTO.

17.10. Thang điểm đánh giá: 10/10

TT	Nội dung đánh giá	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Điểm thảo luận, kiểm tra	20	
2	Điểm bài tập lớn	30	
3	Điểm thi kết thúc học phần	50	
Tổng cộng		100	

17.11. Ngày phê duyệt:

Cấp phê duyệt:

18. KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

18.1. Tên học phần: Kinh tế đối ngoại

18.2. Mã số học phần: **VLĐN 518**

18.3. Số tín chỉ : 2 tín chỉ (30 tiết)

18.4. Người phụ trách:

18.5. Bộ môn:

18.6. Mục tiêu học phần: Giúp cho học viên biết vận dụng lý luận về kinh tế quốc tế và chính sách thương mại của các quốc gia để thực hiện các chuyên đề NCKH phục vụ thực tiễn SXKD VTB.

18.7. Mô tả học phần: Để nghiên cứu học phần này, học viên phải có kiến thức cơ bản về kinh tế vận tải biển, tổ chức kỹ thuật cảng, tổ chức kỹ thuật vận chuyển. Nội dung của học phần trang bị học viên kiến thức chuyên sâu về các nghiệp vụ kinh tế đối ngoại.

Chương	Nội dung	Phân phối thời lượng	
		LT (tiết)	TL (tiết)
1	Nền kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế	3	6
2	Thương mại quốc tế	3	6
3	Chính sách thương mại quốc tế	3	6
4	Di chuyển quốc tế về các nguồn lực	3	6
5	Liên kết kinh tế quốc tế	3	6

Tổng cộng	15	45
-----------	----	----

18.8. Nội dung chi tiết

Chương 1. Nền kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế (LT 6)

- 1.1. Sự ra đời và phát triển của nền kinh tế thế giới.
- 1.2. Các quan hệ kinh tế quốc tế.
- 1.3. Vai trò của kinh tế đối ngoại với sự phát triển của mỗi quốc gia.
- 1.4. Đặc điểm của nền kinh tế thế giới hiện nay và những quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam về phát triển kinh tế đối ngoại.
- 1.5. Sự hội nhập của Việt Nam vào nền kinh tế thế giới.

Tài liệu tham khảo chương

- [1]. TS. Đỗ Đức Bình. *Giáo trình kinh tế Quốc tế*. NXB Lao động xã hội, Hà Nội, 2004
- [2]. GS. TS Tô Xuân Dân, Vũ Chí Lộc. *Quan hệ kinh tế quốc tế*. Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội, 2005
- [3]. TS Hà Thị Ngọc Oanh. *Giáo trình kinh tế đối ngoại*. NXB Lao động xã hội, 2006

Chương 2. Thương mại quốc tế (LT 6, TL 27)

- 2.1. Một số học thuyết về thương mại quốc tế
- 2.2. Những đặc điểm của thương mại quốc tế ngày nay.
- 2.4. Giá quốc tế và tỷ lệ trao đổi trong thương mại quốc tế

Nội dung thảo luận: Quan hệ kinh tế quốc tế, thương mại quốc tế trong bối cảnh ngày nay.

Tài liệu tham khảo chương

- [1]. TS. Đỗ Đức Bình. *Giáo trình kinh tế Quốc tế*. NXB Lao động xã hội, Hà Nội, 2004
- [2]. GS. TS Tô Xuân Dân, Vũ Chí Lộc. *Quan hệ kinh tế quốc tế*. ĐHNT, HN, 2005
- [3]. PGS.TS Nguyễn Văn Trình. *Giáo trình Kinh tế đối ngoại*. NXB Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2006

Chương 3 Chính sách thương mại quốc tế (LT 6, TL 18)

- 3.1. Khái niệm, nguyên tắc và hình thức chính sách thương mại quốc tế của các quốc gia.
- 3.2. Các biện pháp thực hiện chính sách thương mại quốc tế.
- 3.3. Điều ước và hiệp định mậu dịch quốc tế

Nội dung thảo luận: Các chính sách, điều ước, hiệp định mậu dịch quốc tế và tình hình áp dụng tại Việt Nam.

Tài liệu tham khảo chương

- [1]. TS. Đỗ Đức Bình. *Giáo trình kinh tế Quốc tế*. NXB Lao động xã hội, Hà Nội, 2004
- [2]. GS. TS Tô Xuân Dân, Vũ Chí Lộc. *Quan hệ kinh tế quốc tế*. Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội, 2005
- [3]. TS Hà Thị Ngọc Oanh. *Giáo trình kinh tế đối ngoại*. NXB Lao động xã hội, 2006
- [4]. GS. TS Võ Thanh Thu. *Giáo trình quan hệ kinh tế quốc tế*. NXB Thông kê, HN.
- [5]. PGS.TS Nguyễn Văn Trình. *Giáo trình Kinh tế đối ngoại*. NXB Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2006

Chương 4. Di chuyển quốc tế về các nguồn lực (LT 6)

- 4.1. Đầu tư quốc tế
- 4.2. Hoạt động chuyển giao công nghệ qua các dự án FDI
- 4.3. Di chuyển quốc tế về sức lao động.

Tài liệu tham khảo chương

- [1]. TS. Đỗ Đức Bình. *Giáo trình kinh tế Quốc tế*. NXB Lao động xã hội, Hà Nội, 2004
- [2]. GS. TS Võ Thanh Thu. *Giáo trình quan hệ kinh tế quốc tế*. NXB Thông kê, HN.
- [3]. PGS.TS Nguyễn Văn Trinh. *Giáo trình Kinh tế đối ngoại*. NXB Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2006

Chương 5. Liên kết kinh tế quốc tế (LT 6)

5.1. Tính tất yếu khách quan của sự hình thành các liên kết kinh tế quốc tế

5.2. Các hình thức liên kết kinh tế quốc tế

5.3 Một số liên kết kinh tế nhà nước tiêu biểu

18.9. Tài liệu tham khảo

- [1]. TS. Đỗ Đức Bình. *Giáo trình kinh tế Quốc tế*. NXB Lao động xã hội, Hà Nội, 2004
- [2]. GS. TS Tô Xuân Dân, Vũ Chí Lộc. *Quan hệ kinh tế quốc tế*. ĐHNT, HN, 2005
- [3]. TS Hà Thị Ngọc Oanh. *Giáo trình kinh tế đối ngoại*. NXB Lao động xã hội, 2006
- [4]. GS. TS Võ Thanh Thu. *Giáo trình quan hệ kinh tế quốc tế*. NXB Thông kê, HN.
- [5]. PGS.TS Nguyễn Văn Trinh. *Giáo trình Kinh tế đối ngoại*. NXB ĐHQG HCM, 2005

18.10. Thang điểm đánh giá: 10/10

TT	Nội dung đánh giá	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Điểm thảo luận, kiểm tra	20	
2	Điểm bài tập lớn	30	
3	Điểm thi kết thúc học phần	50	
Tổng cộng		100	

18.11. Ngày phê duyệt:

Cấp phê duyệt:

19. ỨNG DỤNG CÁC PHƯƠNG PHÁP TOÁN TRONG QUẢN LÝ DN

19.1. Tên học phần: Ứng dụng các phương pháp toán trong quản lý DN

19.2. Mã số học phần: VLPP 519

19.3. Tổng số tín chỉ : 2 tín chỉ (30 tiết)

19.4. Người phụ trách:

19.5. Bộ môn:

19.6. Mục tiêu học phần: Giúp học viên có kiến thức nền tảng về các phương pháp toán thường được áp dụng trong ngành VTB để nghiên cứu các học phần chuyên ngành Tổ chức và Quản lý vận tải và có thể vận dụng vào hoạt động quản trị doanh nghiệp trong ngành VTB sau này.

18.7. Mô tả học phần: Trang bị cho học viên những kiến thức nâng cao về các mô hình và các phương pháp toán áp dụng trong quản lý VTB như: Lý thuyết ra quyết định; Quy hoạch toán học; Lý thuyết phục vụ đám đông; Lý thuyết mô phỏng; Hoạch định dự án; Phân tích MARKOV và lý thuyết trò chơi.

Chương	Nội dung	Phân phối thời lượng		
		LT (tiết)	TL (tiết)	BTL (giờ)
1	Tổng quan về các phương pháp toán áp dụng trong	1	3	-

	quản lý kinh tế			
2	Lý thuyết ra quyết định	2	6	-
3	Qui hoạch tuyến tính	2	6	-
4	Qui hoạch tham số, qui hoạch nguyên, qui hoạch động và qui hoạch ngẫu nhiên	1	3	-
5	Lý thuyết phục vụ đám đông	3	9	-
6	Lý thuyết mô phỏng	2	6	-
7	Hoạch định dự án	3	9	-
8	Phân tích Markov và lý thuyết trò chơi	1	3	-
Tổng cộng		15	45	60

19.8. Nội dung chi tiết

Chương 1. Tổng quan về các phương pháp toán áp dụng trong quản lý kinh tế (LT 1)

1.1. Giới thiệu chung về áp dụng các phương pháp toán học trong quản lý kinh tế

1.2. Trình tự các bước khi áp dụng phương pháp toán học để định lượng trong quản lý kinh tế

1.3. Triển khai các phương pháp toán học để định lượng trong hoạt động quản lý của cơ quan

1.4. Phương pháp toán kinh tế và hệ thống máy tính để hỗ trợ khi ra quyết định trong quản lý kinh tế

Tài liệu tham khảo chương:

[1]. Phạm Văn Cương (2011). Giáo trình ứng dụng các phương pháp toán trong quản lý vận tải biển. Trường Đại học Hàng hải.

[2]. Nguyễn Hải Thanh (2005), Toán ứng dụng. NXB Đại học Sư phạm.

[3]. Nguyễn Duy Tiến. Các mô hình xác suất và ứng dụng, phần I: Xích Markov và ứng dụng (2001). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

Chương 2. Lý thuyết ra quyết định (LT 2, TL 6)

2.1. Những điều cơ bản trong lý thuyết ra quyết định

2.2. Phân tích biên sai

2.3. Cây quyết định

2.4. Thuyết độ hữu ích

2.5. Ra quyết định nhiều yếu tố

Tài liệu tham khảo chương:

[1]. Phạm Văn Cương (2011). Giáo trình ứng dụng các phương pháp toán trong quản lý vận tải biển. Trường Đại học Hàng hải.

[2]. Nguyễn Đức Nghĩa, Tối ưu hoá (2001), Nxb Giáo dục.

[3]. Nguyễn Hải Thanh (2005), Toán ứng dụng. NXB Đại học Sư phạm.

[4]. Nguyễn Duy Tiến. Các mô hình xác suất và ứng dụng, phần I: Xích Markov và ứng dụng (2001). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[5]. Asmanov C. A., Quy hoạch tuyến tính. NXB Nauka, 1981.

[6]. Vasiliev F. I., Các phương pháp số giải các bài toán cực trị. NXB Nauka, 1980.

Chương 3. Qui hoạch tuyến tính (LT 2, TL 6)

3.1. Lập kế hoạch tối ưu và qui hoạch tuyến tính

3.2. Bài toán vận tải – Mô hình đóng và mở

3.3. Các dạng bài toán vận tải trong vận tải biển

3.4. Bài toán phân phối thiết bị

3.5. Những bài toán phân phối chuyên ngành vận tải biển

Tài liệu tham khảo chương:

[1]. Phạm Văn Cương (2011). Giáo trình ứng dụng các phương pháp toán trong quản lý vận tải biển. Trường Đại học Hàng hải.

[2]. Nguyễn Đức Nghĩa, Tối ưu hoá (2001), Nxb Giáo dục.

[3]. Nguyễn Hải Thanh (2005), Toán ứng dụng. NXB Đại học Sư phạm.

[4]. Nguyễn Duy Tiến. Các mô hình xác suất và ứng dụng, phần I: Xích Markov và ứng dụng (2001). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[5]. Asmanov C. A., Quy hoạch tuyến tính. NXB Nauka, 1981.

[6]. Vasiliev F. I., Các phương pháp số giải các bài toán cực trị. NXB Nauka, 1980.

[7]. Smarkov X. M., Giáo trình mô hình ngẫu nhiên, NXB Nauka, 1976.

[8]. Bazarra M. S. and Shetti C. M., Nonlinear programming: Theory and Algorithms, John Wiley & Sons , New York, 1984.

Chương 4. Qui hoạch tham số, qui hoạch nguyên, qui hoạch động và qui hoạch ngẫu nhiên (LT 1, TL 3)

4.1. Các loại bài toán qui hoạch tham số tuyến tính

4.2. Bài toán qui hoạch nguyên

4.3. Quy hoạch động

4.4. Bài toán qui hoạch ngẫu nhiên và phương pháp giải những bài toán quản lý trong điều kiện bất định

Tài liệu tham khảo chương:

[1]. Phạm Văn Cương (2011). Giáo trình ứng dụng các phương pháp toán trong quản lý vận tải biển. Trường Đại học Hàng hải.

[2]. Nguyễn Đức Nghĩa, Tối ưu hoá (2001), Nxb Giáo dục.

[3]. Nguyễn Hải Thanh (2005), Toán ứng dụng. NXB Đại học Sư phạm.

[4]. Nguyễn Duy Tiến. Các mô hình xác suất và ứng dụng, phần I: Xích Markov và ứng dụng (2001). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[5]. Asmanov C. A., Quy hoạch tuyến tính. NXB Nauka, 1981.

[6]. Vasiliev F. I., Các phương pháp số giải các bài toán cực trị. NXB Nauka, 1980.

[7]. Gillet B. E., Introduction to Operations Research , McGraw Hill, New York, 1990.

[8]. Isaacson D.L. and Madsen R.W., Markov Chains Theory and Applications, John Wiley & Sons, New York, 1975.

[9]. Kemeny J. G. and Snell J. L., Finite Markov Chains , D. Van Nostrand Company, Inc., Princeton, 1967.

[10]. Levin R. I., Rubin D. S. and Stinson J. P., Quantitative approaches to management, McGraw Hill, New York, 1986.

Chương 5. Lý thuyết phục vụ đám đông (LT 3, TL 9)

5.1. Giới thiệu chung

5.2. Các đặc tính của hệ thống phục vụ đám đông

5.3. Các mô hình của bài toán sắp hàng

Tài liệu tham khảo chương:

- [1]. Phạm Văn Cương (2011). Giáo trình ứng dụng các phương pháp toán trong quản lý vận tải biển. Trường Đại học Hàng hải.
- [2]. Nguyễn Đức Nghĩa, Tối ưu hoá (2001), Nxb Giáo dục.
- [3]. Nguyễn Hải Thanh (2005), Toán ứng dụng. NXB Đại học Sư phạm.
- [4]. Nguyễn Duy Tiến. Các mô hình xác suất và ứng dụng, phần I: Xích Markov và ứng dụng (2001). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5]. Asmanov C. A., Quy hoạch tuyến tính. NXB Nauka, 1981.
- [6]. Vasiliev F. I., Các phương pháp số giải các bài toán cực trị. NXB Nauka, 1980.

Chương 6. Lý thuyết mô phỏng (LT 2, TL 6)

6.1. Giới thiệu chung

6.2. Mô phỏng Monte – Carlo

Tài liệu tham khảo chương:

- [1]. Phạm Văn Cương (2011). Giáo trình ứng dụng các phương pháp toán trong quản lý vận tải biển. Trường Đại học Hàng hải.
- [2]. Nguyễn Đức Nghĩa, Tối ưu hoá (2001), Nxb Giáo dục.
- [3]. Nguyễn Hải Thanh (2005), Toán ứng dụng. NXB Đại học Sư phạm.
- [4]. Nguyễn Duy Tiến. Các mô hình xác suất và ứng dụng, phần I: Xích Markov và ứng dụng (2001). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5]. Asmanov C. A., Quy hoạch tuyến tính. NXB Nauka, 1981.
- [6]. Vasiliev F. I., Các phương pháp số giải các bài toán cực trị. NXB Nauka, 1980.

Chương 7. Hoạch định dự án (LT 3, TL 9)

7.1. Giới thiệu chung về sơ đồ mạng

7.2. Khái niệm và các phương pháp hoạch định dự án

7.3. Phương pháp CPM (đường găng)

7.4. Phương pháp PERT (Phương pháp tổng quan và đánh giá dự án)

7.5. Điều chỉnh sơ đồ mạng theo thời gian

7.6. Ứng dụng phần mềm LINGO 13.0 FOR WINDOWS để giải các bài toán QHTT mạng lưới trong sản xuất và vận tải

Tài liệu tham khảo chương:

- [1]. Phạm Văn Cương (2011). Giáo trình ứng dụng các phương pháp toán trong quản lý vận tải biển. Trường Đại học Hàng hải.
- [2]. Nguyễn Đức Nghĩa, Tối ưu hoá (2001), Nxb Giáo dục.
- [3]. Nguyễn Hải Thanh (2005), Toán ứng dụng. NXB Đại học Sư phạm.
- [4]. Nguyễn Duy Tiến. Các mô hình xác suất và ứng dụng, phần I: Xích Markov và ứng dụng (2001). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5]. Asmanov C. A., Quy hoạch tuyến tính. NXB Nauka, 1981.
- [6]. Vasiliev F. I., Các phương pháp số giải các bài toán cực trị. NXB Nauka, 1980.

Chương 8. Phân tích Markov và lý thuyết trò chơi (LT 1, TL 3)

8.1. Khái niệm về phân tích markov và phân tích markov áp dụng trong dự báo

8.2. Lý thuyết trò chơi

Tài liệu tham khảo chương:

- [1]. Phạm Văn Cương (2011). Giáo trình ứng dụng các phương pháp toán trong quản lý vận tải biển. Trường Đại học Hàng hải.

- [2]. Nguyễn Đức Nghĩa, Tối ưu hoá (2001), Nxb Giáo dục.
- [3]. Nguyễn Hải Thanh (2005), Toán ứng dụng. NXB Đại học Sư phạm.
- [4]. Nguyễn Duy Tiến. Các mô hình xác suất và ứng dụng, phần I: Xích Markov và ứng dụng (2001). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5]. Asmanov C. A., Quy hoạch tuyến tính. NXB Nauka, 1981.
- [6]. Vasiliev F. I., Các phương pháp số giải các bài toán cực trị. NXB Nauka, 1980.
- Nội dung thảo luận:* Các mô hình toán học theo các chương áp dụng trong quản lý VTB.
- Nội dung bài tập lớn (60 giờ):* Các bài tập lớn theo các chuyên đề liên quan đến ứng dụng toán trong quản lý VTB.

19.9. Tài liệu tham khảo :

- [1]. Phạm Văn Cương (2011). Giáo trình ứng dụng các phương pháp toán trong quản lý vận tải biển. Trường Đại học Hàng hải.
- [2]. Nguyễn Đức Nghĩa, Tối ưu hoá (2001), Nxb Giáo dục.
- [3]. Nguyễn Hải Thanh (2005), Toán ứng dụng. NXB Đại học Sư phạm.
- [4]. Nguyễn Duy Tiến. Các mô hình xác suất và ứng dụng, phần I: Xích Markov và ứng dụng (2001). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5]. Tạp chí ứng dụng Toán học, Hội ứng dụng Toán học Việt Nam, 2003 – 2005.
- [6]. Asmanov C. A., Quy hoạch tuyến tính. NXB Nauka, 1981.
- [7]. Vasiliev F. I., Các phương pháp số giải các bài toán cực trị. NXB Nauka, 1980.
- [8]. Gnedenko B.V., Giáo trình lý thuyết xác suất. NXB Nauka, 1969.
- [9]. Gnedenko B.V., Beliaev IU. K. và Xoloviev A. D. Những phương pháp toán học trong lý thuyết độ tin cậy. NXB Nauka, 1969.
- [10]. Smarkov X. M., Giáo trình mô hình ngẫu nhiên, NXB Nauka, 1976.
- [11]. Bazarra M. S. and Shetti C. M., Nonlinear programming: Theory and Algorithms, John Wiley & Sons , New York, 1984.
- [12]. Gillet B. E., Introduction to Operations Research , McGraw Hill, New York, 1990.
- [13]. Isaacson D.L. and Madsen R.W., Markov Chains Theory and Applications, John Wiley & Sons, New York, 1975.
- [14]. Kemeny J. G. and Snell J. L., Finite Markov Chains , D. Van Nostrand Company, Inc., Princeton, 1967.
- [15]. Levin R. I., Rubin D. S. and Stinson J. P., Quantitative approaches to management, McGraw Hill, New York, 1986.

19.10. Thang điểm đánh giá: 10/10

<i>TT</i>	<i>Nội dung đánh giá</i>	<i>Trọng số (%)</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Điểm thảo luận, kiểm tra	20	
2	Điểm bài tập lớn	30	
3	Điểm thi kết thúc học phần	50	
Tổng cộng		100	

19.11. Ngày phê duyệt:

Cấp phê duyệt:

20. QUẢN LÝ KHAI THÁC THƯƠNG VỤ VẬN TẢI BIỂN

20.1. Tên học phần: Tổ chức khai thác thương vụ vận tải biển

20.2. Mã số học phần: VLTV 520

20.3. Số tín chỉ : 2 tín chỉ (30 tiết)

20.4. Người phụ trách:

20.5. Bộ môn:

20.6. Mục tiêu của học phần:

Trong điều kiện hội nhập kinh tế thế giới ngày càng sâu rộng thì kiến thức thương vụ cho những người làm công tác kinh doanh vận tải biển và quản lý Nhà nước về thị trường vận tải biển có ý nghĩa quan trọng. Việc học tập, nghiên cứu thương vụ vận tải biển là rất cần thiết đối với các học viên sau đại học ngành kinh tế. Môn học sẽ trang bị cho các học viên những kiến thức về thương mại hàng hóa bằng đường biển và thị trường vận tải biển có liên quan về những lĩnh vực cụ thể sau: vận tải biển và thương mại hàng hóa quốc tế, hợp đồng vận chuyển và chứng từ vận chuyển, hợp đồng cho thuê tàu và các phương pháp định giá cho thuê tàu.

20.7. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Thương mại hàng hóa quốc tế và quyền thuê vận tải bằng đường biển

1.1. Khái niệm cơ bản

1.2. Nội dung chủ yếu của hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

1.3. Quyền vận tải và thuê phương tiện trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

1.4. Các điều kiện thương mại quốc tế giao hàng bằng đường thủy theo Incoterms 2010

1.5 Thị trường vận tải biển

Chương 2: Hợp đồng vận chuyển hàng hóa theo chuyến

2.1. Khái niệm và phân loại hợp đồng vận chuyển

2.2. Nội dung chủ yếu của các loại hợp đồng vận chuyển tàu chuyên

2.3. Thời hạn làm hàng trong hợp đồng thuê tàu chuyên

2.4. Nghiệp vụ cho thuê tàu chuyên

Chương 3: Hợp đồng vận chuyển theo chứng từ và nghiệp vụ cho thuê tàu định tuyến

3.1. Khái niệm và phân loại hợp đồng vận chuyển hàng hóa theo chứng từ

3.2. Nội dung chủ yếu của các loại hợp đồng vận chuyển hàng hóa theo chứng từ

3.3. Lịch vận hành

3.4. Nghiệp vụ cho thuê tàu định tuyến

Chương 4: Hợp đồng thuê tàu và nghiệp vụ cho thuê tàu

4.1. Khái niệm và phân loại hợp đồng cho thuê tàu

4.2. Nội dung chủ yếu của các hợp đồng

20.8. Tài liệu tham khảo

1. ER Hardy Ivami, *Carriage of Goods by Sea*, Butterworths, 1989

2. Rokus De Groot, *Shipping, text book for study on Shipping for Foreign Student*

3. Norman Jopez, *Bes' Chartering and Shipping Term*, Barker \$ Howard Ltd., 1992

4. Alan E. Branch, *Economics of Shipping Practice and Management*, Chapman@Hall,

20.9. Thang điểm: 10/10

<i>TT</i>	<i>Nội dung đánh giá</i>	<i>Trọng số (%)</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Điểm kiểm tra	20	
2	Điểm thảo luận	30	
3	Điểm thi kết thúc học phần	50	
Tổng cộng		100	

20.10. Ngày phê duyệt:**Cấp phê duyệt:****21. QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC CHUỖI CUNG ỨNG****21.1. Tên học phần:** Quản trị chiến lược chuỗi cung ứng**21.2. Mã số:** VLCU 521**21.3. Số tín chỉ:** 2 tín chỉ (30 tiết)**21.4. Người phụ trách:****21.5. Khoa:** Kinh tế**21.6. Mục tiêu học phần:**

- Hệ thống hóa kiến thức về chuỗi cung ứng, các mô hình các chiến lược trong quản trị chuỗi cung ứng

- Cung cấp các phương pháp tổ chức, quản lý, đánh giá hoạt động của chuỗi cung ứng và xử lý các vấn đề phát sinh trong các hoạt động này.

21.7. Mô tả học phần:

Môn học cung cấp cho học viên những kiến thức về hệ thống chuỗi cung ứng, và quản trị chiến lược chuỗi cung ứng thông qua việc giới thiệu cho người học những khái niệm, hoạt động, tác động của thông tin cũng như cách đo lường hiệu quả và xây dựng chuỗi cung ứng trong doanh nghiệp. Đồng thời thông qua môn học, người học có được những hiểu biết về quản trị chiến lược chuỗi cung ứng, mô hình quản trị chiến lược chuỗi cung ứng hiện nay.

21.8. Nội dung chi tiết

<i>Chương</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Phân phối thời lượng</i>		
		<i>LT (tiết)</i>	<i>TL (tiết)</i>	<i>Tiểu luận (giờ)</i>
1	Tổng quan về Quản trị chiến lược chuỗi cung ứng <i>1.1. Tổng quan về chuỗi cung ứng</i> <i>1.2. Nội dung của quản trị chiến lược chuỗi cung ứng</i>	3	9	

2	Hoạt động điều hành chuỗi cung ứng 2.1. Hoạt động Lập kế hoạch 2.2. Hoạt động Cung ứng 2.3. Hoạt động sản xuất 2.4 Hoạt động phân phối	6	9	
3	Đo lường hiệu quả chuỗi cung ứng 3.1. Mô hình tương quan Thị trường-Chuỗi cung ứng 3.2. Đo lường hiệu quả thị trường 3.3 Thu thập và trình bày dữ liệu trong đo lường hiệu quả chuỗi cung ứng	3	9	
4	Mô hình quản trị chuỗi cung ứng 4.1 Mô hình SCOR và các cấp độ của Mô hình SCOR 4.2. Quản lý chuỗi cung ứng tổng thể 4.3. Mô hình cộng tác cho chuỗi cung ứng	3	18	
Tổng cộng		15	45	60

Nội dung thảo luận: Các vấn đề chính trong mỗi bài học đặt ra và vận dụng vào thực tiễn.

Nội dung tiểu luận (60 giờ): Học viên bám sát vào chương trình giảng dạy để vận dụng vào giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra.

21.9. Tài liệu học tập và tham khảo

- Tài liệu học tập

David. F.R, 2011, “Strategic Management: Concepts and Cases”, Printice Hall.

- Tài liệu tham khảo

[1] Cohen, Roussell, (2005), Strategic Supply Chain Management: The 5 disciplines for top performance

[2] O. R. Keith and M. D. Webber, “Supply-Chain Management: Logistics Catches Up with Strategy,” Outlook (1982)

[3] ThS. Lê Thị Bích Ngọc, 2007, Quản trị chiến lược, Học viên Công nghệ Bưu chính viễn thông

[4] GS.TS Hoàng Văn Châu. TS. Trịnh Thị Thu Hương, Th.S Vương Thị Bích Ngà, 2009, Giáo trình Logistics và vận tải quốc tế - Đại học Ngoại thương Hà Nội, NXB Thông tin và Truyền thông.

21.10. Thang điểm: 10/10

<i>TT</i>	<i>Nội dung đánh giá</i>	<i>Trọng số (%)</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Điểm thảo luận, kiểm tra	20	
2	Điểm tiểu luận	30	
3	Điểm thi kết thúc học phần	50	
Tổng cộng		100	

21.11. Ngày phê duyệt:

Cấp phê duyệt

22. LOGISTICS TRONG SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ VTB QUỐC TẾ

22.1. Tên học phần: Logistics trong sản xuất, thương mại và VTB quốc tế

22.2. Mã số học phần: **VLLO 522**

22.3. Số tín chỉ : 2 tín chỉ (30 tiết)

22.4. Người phụ trách:

22.5. Bộ môn:

22.6. Mục tiêu học phần: Học viên nắm vững kiến thức chung về hoạt động logistics trong VTB, trên cơ sở đó biết vận dụng để thực hiện các chuyên đề NCKH phục vụ thực tiễn SXKD VTB.

22.7. Mô tả học phần: Để nghiên cứu học phần này, học viên phải có kiến thức cơ bản về kinh tế học vi mô, vĩ mô, kinh tế vận tải biển. Nội dung của học phần là trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về quá trình sản xuất, lưu thông phân phối, tiêu thụ hàng hóa trong xã hội và sự xuất hiện của logistics; Những khái niệm cơ bản về logistics và nội dung của hoạt động logistics phục vụ cho quá trình sản xuất, lưu thông phân phối, tiêu thụ hàng hóa trong phạm vi quốc gia và quốc tế.

Chương	Nội dung	Phân phối thời lượng		
		LT (tiết)	TL (tiết)	BTL (giờ)
1	Tổng quan về Logistics	1	0	-
2	Phân loại Logistics	1	0	-
3	Nội dung của hoạt động Logistics	7	24	-
4	Xu hướng phát triển của Logistics và phương hướng chung để nâng cao hiệu quả của hoạt động Logistics	6	21	-
Tổng cộng		15	45	60

22.8. Nội dung chi tiết

Chương 1. Tổng quan về Logistics (LT 1)

1.1. Quá trình sản xuất, lưu thông, phân phối và tiêu thụ hàng hóa

1.2. Mối quan hệ giữa vận tải và Logistics

1.3. Khái niệm về Logistics

1.4. Các dịch vụ Logistics

1.5. Vai trò của Logistics đối với nền kinh tế

1.6. Vai trò của Logistics đối với các doanh nghiệp

Tài liệu tham khảo chương

[1]. Lý Bách Chấn (2003), *Giáo trình nhập môn Logistics*. Tài liệu giảng dạy của Trường Đại học GTVT TP Hồ Chí Minh.

[2]. Just-in-Time: Some Effects on the Logistics Function, SWENSETH SCOTT R. và FRANK P. BUFFA, *The International Journal of Logistics Management* 1, No.2 (1990)

[3]. Ronald H. Ballou-Business Logistics Management, Prentice Hall Inc, 1993

[4]. Quality and Control in Logistics: A Process Model, NOVACK, ROBERT A. *International Journal of Physical Distribution and Logistics Management* 20, No.7.

Chương 2. Phân loại Logistics (LT 1)

2.1. Phân loại theo các hình thức Logistics

2.2. Phân loại theo quá trình

2.3. Phân loại theo đối tượng hàng hóa

Tài liệu tham khảo chương

[1]. Lý Bách Chấn (2003), *Giáo trình nhập môn Logistics*. Tài liệu giảng dạy của Trường Đại học GTVT TP Hồ Chí Minh.

[2]. James C. Johnson, Donald F. Wood, Macmillan Publishing Company, 4th edition, NY 1990 “CONTEMPORARY LOGISTICS”

[3]. Jay U. Sterling và Douglas M Lambert, p.2, Journal Of Business Logistics (1987) Establishing Customers Service Strategies Within the Marketing Mix.

[4]. Basic Economies of Containerisation and its Significance for Freight Transport, McKinsey & Co., Institute of Materials Handling, 1968

Chương 3. Nội dung của hoạt động Logistics (LT 7, TL 24)

3.1. Logistics trong hoạt động sản xuất hàng hóa

3.2. Logistics trong hoạt động xếp dỡ, giao nhận hàng hóa tại cảng

3.3. Logistics trong vận chuyển hàng hóa theo các phương thức vận tải

3.4. Logistics trong lưu thông phân phối hàng hóa tại các trung tâm kho, bãi chứa hàng

3.5. Logistics trong lưu thông chứng từ và thanh toán tiền hàng

3.6. Logistics trong nội bộ một doanh nghiệp sản xuất hàng hóa

3.7. Logistics trong nội bộ một doanh nghiệp sản xuất dịch vụ

Tài liệu tham khảo chương

[1]. Lý Bách Chấn (2003), *Giáo trình nhập môn Logistics*. Tài liệu giảng dạy của Trường Đại học GTVT TP Hồ Chí Minh.

[2]. Logistics – tài liệu giảng dạy của Shipping and Transport College Rotterdam, và I.M.T.A Hà lan, version 260297

[3]. Logistics and Distribution Management, tài liệu huấn luyện kì thi ngày 3 tháng 8 đến 19 tháng 10/2002 tại NUS Business School National University of Singapore và Chartered Institute of Logistics and Transport, Singapore

[4]. Just-in-Time: Some Effects on the Logistics Function, SWENSETH SCOTT R. và FRANK P. BUFFA, The International Journal of Logistics Management 1, No.2 (1990)

Chương 4. Xu hướng phát triển của Logistics và phương hướng chung để nâng cao hiệu quả của hoạt động Logistics (LT 6, TL 21)

4.1. Xu hướng phát triển của Logistics

4.2. Phương hướng chung để nâng cao hiệu quả của hoạt động Logistics

4.3. Những nguyên tắc cơ bản khi thiết kế hệ thống Logistics

4.4. Một số phương pháp toán áp dụng trong tính toán lập kế hoạch Logistics

Nội dung thảo luận: Phân tích xu hướng phát triển của Logistics và phương hướng chung để nâng cao hiệu quả của hoạt động Logistics trong VTB Việt Nam và khu vực.

22.9. Tài liệu tham khảo

[1]. Lý Bách Chấn (2003), *Giáo trình nhập môn Logistics*. Tài liệu giảng dạy của Trường Đại học GTVT TP Hồ Chí Minh.

[2]. James C. Johnson, Donald F. Wood, Macmillan Publishing Company, 4th edition,

NY 1990 “CONTEMPORARY LOGISTICS”

- [3]. Jay U. Sterling và Douglas M Lambert, p.2, Journal Of Business Logistics (1987) Establishing Customers Service Strategies Within the Marketing Mix.
- [4]. Basic Economies of Containerisation and its Significance for Freight Transport, McKinsey & Co., Institute of Materials Handling, 1968
- [5]. Logistics – tài liệu giảng dạy của Shipping and Transport College Rotterdam, và I.M.T.A Hà lan, version 260297
- [6]. Logistics and Distribution Management, tài liệu huấn luyện kì thi ngày 3 tháng 8 đến 19 tháng 10/2002 tại NUS Business School National University of Singapore và Chartered Institute of Logistics and Transport, Singapore
- [7]. Just-in-Time: Some Effects on the Logistics Function, SWENSETH SCOTT R. và FRANK P. BUFFA, The International Journal of Logistics Management 1, No.2 (1990)
- [8]. Ronald H. Ballou-Business Logistics Management, Prentice Hall Inc, 1993
- [9]. Quality and Control in Logistics: A Process Model, NOVACK, ROBERT A. International Journal of Physical Distribution and Logistics Management 20, No.7.

22.10. Thang điểm đánh giá: 10/10

<i>TT</i>	<i>Nội dung đánh giá</i>	<i>Trọng số (%)</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Điểm thảo luận, kiểm tra	30	
2	Điểm thi kết thúc học phần	70	
Tổng cộng		100	

22.11. Ngày phê duyệt:

Cấp phê duyệt:

23. KẾ TOÁN QUẢN TRỊ

23.1. Tên học phần: Kế toán quản trị

23.2. Mã số học phần: VLKQ 523

23.3. Số tín chỉ: 2 tín chỉ

23.4. Người phụ trách:

23.5. Bộ môn:

23.6. Mục tiêu của học phần:

Cung cấp kiến thức về phương pháp xử lý dữ kiện kế toán để đạt các mục tiêu thiết lập các thông tin cho việc quản lý và kiểm soát một cách có hiệu quả tình hình hoạt động kinh doanh của đơn vị.

<i>Chương</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Phân phối thời lượng</i>		
		<i>LT (tiết)</i>	<i>TL (tiết)</i>	<i>BTL (giờ)</i>
1	Tổng quan về kế toán quản trị	1	3	-
2	Kế toán quản trị các yếu tố sản xuất kinh doanh	2	9	-
3	Kế toán quản trị chi phí , giá thành sản phẩm	3	9	-
4	Kế toán quản trị doanh thu và kết quả kinh doanh	3	9	-

5	Mối quan hệ giữa chi phí- khối lượng- Lợi nhuận	3	9	-
6	Kế toán quản trị cho việc ra các quyết định	3	6	-
Tổng cộng		15	45	60

23.7. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Tổng quan về kế toán quản trị (LT 1, TL 3)

- 1.1. Bản chất của kế toán quản trị
- 1.2. Phân biệt kế toán tài chính và kế toán quản trị
- 1.3. Chức năng của kế toán quản trị
- 1.4. Phương pháp kỹ thuật nghiệp vụ của kế toán quản trị

Chương 2: Kế toán quản trị các yếu tố sản xuất kinh doanh (LT 2, TL 9)

- 2.1. Kế toán quản trị vật tư, hàng hoá
- 2.2. Kế toán quản trị TSCĐ
- 2.3. Kế toán quản trị lao động, tiền lương

Chương 3: Kế toán quản trị chi phí, giá thành sản phẩm (LT 3, TL 9)

- 3.1 Kế toán quản trị chi phí
- 3.2. Đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá
- 3.3. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất
- 3.4. Phương pháp tập hợp chi phí, tính giá thành và lập báo cáo sản xuất

Chương 4: Kế toán quản trị doanh thu và kết quả kinh doanh (LT 3, TL 9)

- 4.1. Định giá bán sản phẩm trong doanh nghiệp
- 4.2. Kế toán quản trị doanh thu
- 4.3. Kế toán chi tiết kết quả kinh doanh

Chương 5: Mối quan hệ giữa chi phí- khối lượng- Lợi nhuận(C-V-P) (LT 3, TL 9)

- 5.1 Các khái niệm cơ bản về mối quan hệ giữa chi phí- khối lượng- Lợi nhuận(C-V-P)
- 5.2 Một số ứng dụng quan hệ giữa chi phí- khối lượng- Lợi nhuận(C-V-P) vào quá trình ra quyết định

Chương 6: Kế toán quản trị cho việc ra các quyết định (LT 2, TL 6)

- 6.1 Thông tin thích hợp của kế toán quản trị cho việc ra các quyết định ngắn hạn
- 6.2 Thông tin thích hợp của kế toán quản trị cho việc ra các quyết định dài hạn

Nội dung thảo luận: Theo chuyên đề của từng chương.

Nội dung bài tập lớn: Bài tập và chuyên đề liên quan đến kế toán quản trị.

23.8. Tài liệu tham khảo

- [1]. PGS. TS. Vương Đình Huệ; TS. Đoàn Xuân Tiên - Kế toán quản trị-Nhà xuất bản tài chính 2002
- [2]. PGS. TS. Phạm Văn Dược - Kế toán quản trị- Nhà xuất bản thống kê- 2006
- [3]. PGS. TS. Nguyễn Minh Phương- Hệ thống câu hỏi, bài tập kế toán quản trị - ĐHKTD 2006
- [4]. Tập thể tác giả Học viện tài chính, Câu hỏi và bài tập kế toán quản trị, NXB TC, 2003
- [5]. Thạc sĩ Nguyễn Phú Giang- Kế toán quản trị và phân tích kinh doanh- Nhà xuất bản tài chính 2005
- [6]. Thạc sĩ Huỳnh Lợi - Hệ thống bài tập và bài giải kế toán quản trị- Nhà xuất bản tài

chính 2004

[7]. TS. Trương Thị Thủy; TS. Trần Văn Dung – Tình huống kế toán quản trị trong doanh nghiệp – Nhà xuất bản Tài Chính 2008

[8]. TS. Phan Đức Dũng - Kế toán quản trị - Nhà xuất bản thống kê năm 2008

23.9. Thang điểm đánh giá : 10/10

<i>TT</i>	<i>Nội dung đánh giá</i>	<i>Trọng số (%)</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Điểm thảo luận, kiểm tra	20	
2	Điểm bài tập lớn	30	
3	Điểm thi kết thúc học phần	50	
Tổng cộng		100	

23.10. Ngày phê duyệt:

Cấp phê duyệt:

24. QUẢN LÝ KỸ THUẬT ĐỘI TÀU VẬN TẢI BIỂN

24.1. Tên học phần: Quản lý kỹ thuật đội tàu vận tải biển

24.2. Mã số học phần: **VLĐT 524**

24.3. Số tín chỉ : 2 tín chỉ (30 tiết)

24.4. Người phụ trách:

24.5. Bộ môn:

24.6. Mục tiêu học phần: Mục tiêu của học phần là để học viên có thể nghiên cứu và tổ chức các hoạt động quản lý kỹ thuật tàu biển đạt hiệu quả cao.

24.7. Mô tả học phần: Trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu về các hoạt động quản lý kỹ thuật tàu biển, các hình thức tổ chức quản lý kỹ thuật tàu biển.

<i>Chương</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Phân phối thời lượng</i>		
		<i>LT (tiết)</i>	<i>TL (tiết)</i>	<i>BTL (giờ)</i>
1	Tổng quan về đội tàu VTB	1	3	-
2	Các yêu cầu về kỹ thuật đối với tàu VTB theo các công ước của IMO	2	6	-
3	Nội dung của hoạt động quản lý kỹ thuật tàu VTB	6	18	-
4	Các phương pháp quản lý kỹ thuật đội tàu VTB	6	18	-
Tổng cộng		15	45	20

24.8. Nội dung chi tiết

Chương 1. Tổng quan về đội tàu vận tải biển (LT 1, TL 3)

1.1. Phân loại tàu biển, cấp tàu biển theo đăng kiểm

1.2. Các đặc trưng khai thác - kỹ thuật của tàu biển

1.3. Xu hướng phát triển đội tàu VTB

Chương 2. Các yêu cầu về kỹ thuật đối với tàu VTB theo các Công ước của IMO

2.1. Tổng quan về các Công ước của IMO

2.2. Các yêu cầu về kỹ thuật đối với tàu VTB theo các yêu cầu của IMO

2.3. Các yêu cầu về kỹ thuật theo yêu cầu của các chế định pháp luật Việt Nam

Chương 3. Nội dung của hoạt động quản lý kỹ thuật tàu VTB (LT 6, TL 18)

3.1. Cơ cấu tổ chức quản lý của các công ty VTB

3.2. Chức năng, nhiệm vụ bộ phận quản lý kỹ thuật tàu VTB trong các c/ty VTB

3.3. Nội dung quản lý kỹ thuật tàu VTB trong các công ty VTB

Chương 4. Các phương pháp quản lý kỹ thuật đội tàu VTB (LT 6, TL 18)

4.1. Tổng quan về quản lý kỹ thuật đội tàu VTB

4.2. Các phương pháp quản lý kỹ thuật đội tàu VTB

4.3. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả công tác quản lý kỹ thuật đội tàu VTB

Nội dung thảo luận: Phân tích, đánh giá các phương pháp hoạt động quản lý kỹ thuật tàu VTB của một số công ty lớn trong VTB Việt Nam và khu vực.

Nội dung bài tập lớn (60 giờ): Các dạng bài tập lớn, các chuyên đề liên quan đến quản lý kỹ thuật đội tàu vận tải biển.

24.9. Tài liệu tham khảo

[1]. TS. Phạm Văn Cương (1999). Tổ chức kỹ thuật vận chuyển. Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, Hải Phòng.

[2]. PGS. TS Vương Toàn Thuyên (1991). Kinh tế vận tải biển. Trường ĐHHH.

[3]. TS. Huỳnh Tấn Phát, Bùi Quang Hùng (1993). Sổ tay nghiệp vụ vận chuyển container. Nhà xuất bản Giao thông Vận tải, Hà Nội.

[4]. TSKH. Nguyễn Văn Chương (1996). Phương thức vận tải tiên tiến trong vận chuyển đường biển thế giới. Nhà xuất bản Giao thông Vận tải, Hà Nội.

[5]. Công ước Quốc tế về vận tải đa phương thức của Liên Hiệp Quốc năm 1980.

[6]. Manual on Freight forwarding (2003). ESCAP – VIETANS.

[7]. Sổ tay vận tải đa phương thức – UNCTAD 1991.

24.10. Thang điểm đánh giá : 10/10

<i>TT</i>	<i>Nội dung đánh giá</i>	<i>Trọng số (%)</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Điểm thảo luận, kiểm tra	30	
2	Điểm thi kết thúc học phần	70	
Tổng cộng		100	

24.11. Ngày phê duyệt:

Cấp phê duyệt:

25. QUẢN LÝ NĂNG LƯỢNG

25.1. Tên học phần: Quản lý năng lượng

25.2. Mã số học phần: QLNL 525

25.3. Số tín chỉ : 2 tín chỉ

25.4. Người phụ trách:

25.5. Bộ môn:

25.6. Mục tiêu của học phần:

Sau khi học xong học phần học viên có thể nắm được lý thuyết cơ bản về nghiệp vụ quản lý năng lượng và kỹ thuật trong ngành Hàng hải.

25.7. Mô tả nội dung học phần:

Học phần bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

- Nghiệp vụ của nhà quản lý: Làm thế nào để quản lý có hiệu quả, kỹ năng của cán bộ quản lý.
- Quản lý năng lượng Hàng hải: Các nguồn năng lượng sử dụng trong ngành hàng hải, quản lý và sử dụng hiệu quả năng lượng trong lĩnh vực hàng hải.
- Quản lý kỹ thuật Hàng hải: Chức năng nhiệm vụ của phòng kỹ thuật – vật tư – thiết bị Hàng hải

25.8. Nội dung chi tiết học phần:

TÊN CHƯƠNG MỤC	PHÂN PHỐI SỐ TIẾT					
	TS	LT	BT	TH	HD	KT
Chương 1. Nghiệp vụ của nhà quản lý Hàng hải	5,0	5,0				
<i>1.1. Nghiệp vụ chung của nhà quản lý</i>	2,0	2,0				
<i>1.2. Nghiệp vụ quản lý Hàng hải</i>	3,0	3,0				
Chương 2. Quản lý năng lượng Hàng hải	15	14				1,0
<i>2.1. Các nguồn năng lượng đẩy tàu</i>	5,0	5,0				
<i>2.2. Quản lý và sử dụng hiệu quả năng lượng đẩy tàu</i>	9,0	9,0				
Chương 3 Quản lý kỹ thuật Hàng hải	10	5	4			1,0
<i>3.1. Vai trò của quản lý kỹ thuật</i>	1,0	3,0				
<i>3.2. Chức năng và nhiệm vụ của phòng kỹ thuật – vật tư- thiết bị</i>	2,0	2,0				
<i>3.3. Giám sát kiểm tra kỹ thuật tàu biển</i>	2,0	4,0				
<i>Bài tập lớn</i>	60					
<i>Kiểm tra</i>	1,0					1,0

25.9. Tài liệu tham khảo

1. Assoc.Prof.Dr.Eng.Lliya Iliev, *Energy efficiency and Energy management handbook*, 2011
2. *Energy –Management, supply and conservation*, 2013
3. Hongyi Sun, *MANAGEMENT OF TECHNOLOGICAL INNOVATION IN DEVELOPING AND DEVELOPED COUNTRIES*, 2012
4. IEEE-USA, *Leading and Managing Engineering and Technology*, 2012
5. Bài giảng Quản lý năng lượng và kỹ thuật Hàng hải

25.10. Thang điểm: 10/10

TT	Nội dung đánh giá	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Điểm thảo luận, kiểm tra	20	
2	Điểm bài tập lớn	30	
3	Điểm thi kết thúc học phần	50	
Tổng cộng		100	

25.11. Ngày phê duyệt:

Cấp phê duyệt:

26. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ

26.1. Tên học phần: Quản lý nhà nước về kinh tế

26.2. Mã số học phần: VLQL 526

26.3. Số tín chỉ : 2 tín chỉ

26.4. Người phụ trách:

26.5. Bộ môn:

26.6. Mục tiêu học phần:

Quản lý Nhà nước về kinh tế là môn học cơ sở, đóng vai trò quan trọng và không thể thiếu được trong chuyên ngành Quản lý kinh tế nói chung. Thông qua những kiến thức cơ bản của Quản lý Nhà nước về kinh tế sẽ giúp cho các học viên cao học ngành Quản lý kinh tế hệ thống hóa và nâng cao những kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước về kinh tế, nhằm giải quyết những vấn đề, những bài toán (về quản lý Nhà nước) đang diễn ra trong thực tiễn của nền kinh tế thị trường tại Việt Nam. Đồng thời, cũng sẽ trang bị cho các học viên cao học phương pháp nghiên cứu, cũng như cách tiếp cận các nội dung cơ bản của quản lý Nhà nước về kinh tế một cách trung thực và khách quan, đặc biệt trong quá trình học viên tiến hành làm luận văn thạc sĩ.

- Học viên cần hiểu rõ và nắm vững được các khái niệm cơ bản về một số vấn đề của quản lý Nhà nước về kinh tế;

- Nắm vững kiến thức cơ bản về chức năng, vai trò, nguyên tắc của quản lý Nhà nước về kinh tế, các hệ thống lý thuyết về quản lý Nhà nước về kinh tế, cùng với thông tin và quyết định quản lý Nhà nước về kinh tế, các nguyên tắc ra quyết định cũng như tổ chức thực hiện quyết định quản lý Nhà nước về kinh tế.

- Hiểu biết cách xây dựng & quản lý một tổ chức kinh doanh trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN tại Việt Nam, mang bản sắc văn hóa Việt Nam;

- Biết vận dụng những kiến thức quản lý Nhà nước về kinh tế (đã được trang bị) vào một loại hình doanh nghiệp cụ thể mà học viên đang công tác.

26.7. Mô tả học phần:

Chương	Nội dung	Phân phối thời lượng		
		LT (tiết)	TL (tiết)	BTL (giờ)
1	Tổng quan quản lý Nhà nước về kinh tế	1	5	-
2	Quy luật và các nguyên tắc quản lý Nhà nước về kinh tế	1	5	-
3	Các hình thức và phương pháp quản lý Nhà nước về kinh tế	2	5	-
4	Thông tin và quyết định trong quản lý Nhà nước về kinh tế	2	5	-
5	Các chức năng quản lý Nhà nước về kinh tế theo phương hướng tác động	2	5	-

6	Các chức năng quản lý Nhà nước về kinh tế theo giai đoạn tác động	2	5	-
7	Quản lý Nhà nước trên một số lĩnh vực chủ yếu	2	5	-
8	Cơ cấu bộ máy quản lý Nhà nước về kinh tế	2	5	-
9	Công chức quản lý kinh tế	1	5	-
Tổng cộng		15	45	60

26.8. Nội dung chi tiết

Chương 1: Tổng quan quản lý Nhà nước về kinh tế (LT 1, TL 5)

1.1. Tăng trưởng, phát triển và chức năng kinh tế của Nhà nước

1.2. Quản lý Nhà nước về kinh tế

1.3. Quản lý Nhà nước về kinh tế là một khoa học

1.4. Câu hỏi và bài tập

Chương 2: Quy luật và các nguyên tắc quản lý Nhà nước về kinh tế (LT 1, TL 5)

2.1. Quy luật

2.2. Các nguyên tắc quản lý Nhà nước về kinh tế

2.3. Câu hỏi và bài tập

Chương 3: Các hình thức và phương pháp quản lý Nhà nước về kinh tế (LT 2, TL 5)

3.1. Các hình thức hoạt động quản lý Nhà nước

3.2. Văn bản quản lý Nhà nước

3.3. Các phương pháp quản lý Nhà nước về kinh tế

3.4. Câu hỏi ôn tập

Chương 4: Thông tin và quyết định trong quản lý Nhà nước về kinh tế (LT 2, TL 5)

4.1. Thông tin trong quản lý

4.2. Quyết định quản lý kinh tế của Nhà nước

4.3. Câu hỏi ôn tập

Chương 5: Các chức năng quản lý Nhà nước về kinh tế theo phương hướng tác động (LT 2)

5.1. Tổng quan về chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước

5.2. Thiết lập khuôn khổ pháp luật về kinh tế

5.3. Tạo lập môi trường thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh về kinh tế, chính trị & xã hội

5.4. Chức năng bảo đảm cơ sở hạ tầng phát triển

5.5. Chức năng hỗ trợ phát triển

5.6. Cải cách khu vực công

5.7. Câu hỏi ôn tập

Chương 6: Các chức năng quản lý NN về kinh tế theo giai đoạn tác động (LT 2, TL 5)

6.1. Chức năng định hướng phát triển kinh tế đất nước

6.2. Chức năng tổ chức và điều hành nền kinh tế của Nhà nước

6.3. Chức năng kiểm soát và điều chỉnh của Nhà nước

6.4. Câu hỏi ôn tập

Chương 7: Quản lý Nhà nước trên một số lĩnh vực chủ yếu (LT 2, TL 5)

7.1. Quản lý Nhà nước về lĩnh vực tài chính tiền tệ

7.2. Quản lý Nhà nước trên lĩnh vực kinh tế đối ngoại

7.3. Quản lý Nhà nước về khoa học công nghệ

7.4. Câu hỏi ôn tập

Chương 8: Cơ cấu bộ máy quản lý Nhà nước về kinh tế (LT 2, TL 5)

8.1. Những vấn đề cơ bản về Nhà nước

8.2. Tổng quan về Nhà nước cộng hòa XHCN Việt Nam

8.3. Cơ cấu bộ máy quản lý Nhà nước về kinh tế

8.4. Câu hỏi ôn tập

Chương 9: Công chức quản lý kinh tế (LT 2, TL 5)

9.1. Khái niệm, vai trò công chức quản lý Nhà nước về kinh tế

9.2. Tuyển dụng công chức quản lý kinh tế

9.3. Quyền và nghĩa vụ công chức, khen thưởng và kỷ luật

9.4. Trách nhiệm công vụ

9.5. Công chức lãnh đạo trong quản lý kinh tế

9.6. Câu hỏi và bài tập tình huống.

Nội dung thảo luận: Theo chuyên đề của từng chương.

Nội dung bài tập lớn: Bài tập và chuyên đề liên quan đến quản lý nhà nước về kinh tế.

26.9. Tài liệu tham khảo

1. Quản lý Nhà nước về kinh tế (Giáo trình sau đại học) Trường Đại học Kinh tế quốc dân. PTS Mai Văn Bưu ; PTS Phan Kim Chiến. NXB Khoa học & Kỹ thuật, Hà Nội 1999.
2. Chính sách trong quản lý kinh tế-xã hội (Giáo trình) Trường Đại học Kinh tế quốc dân. GS, PTS Đỗ Hoàng Toàn; PTS Phan Kim Chiến; PTS Đoàn Thị Thu Hà. NXB Khoa học & kỹ thuật, Hà Nội 1998.
3. Khoa học quản lý (Giáo trình) Trường Đại học Kinh tế quốc dân. Chủ biên PGS, TS Đoàn Thị Thu Hà; PGS, TS Nguyễn Thị Ngọc Huyền. NXB Khoa học & kỹ thuật. Hà Nội, 2007.
4. Hành chính Nhà nước và Công nghệ hành chính (Tài liệu bồi dưỡng về Quản lý Nhà nước- Chương trình chuyên viên cao cấp) Học viện Hành Chính Quốc Gia. Chủ biên TS Nguyễn Ngọc Hiến; PGS, TS Đinh Văn Mậu. NXB Khoa học & kỹ thuật. Hà Nội, 2008.
5. Quản lý kinh tế (Tập bài giảng-dùng cho học viên các trường chính trị) Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Gs, PTS Hồ Văn Vĩnh. Hà Nội 1996.
6. Một số vấn đề về Quản trị kinh doanh (Tập bài giảng) Học viện Chính Trị Quốc Gia Hồ Chí Minh. Chủ biên PTS Nguyễn Cảnh Hoan; PGS, PTS Đỗ Hoàng Toàn. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội 1996.
7. Nội dung cơ bản của Pháp lệnh cán bộ, công chức & các văn bản hướng dẫn thực hiện- Học viện Hành Chính Quốc Gia. Chủ biên Tô Tử Hạ. Hà Nội 2001.

26.10. Thang điểm: 10/10

TT	Nội dung đánh giá	Trọng số (%)	Ghi chú
1	Điểm thảo luận, kiểm tra	20	
2	Điểm bài tập lớn	30	
3	Điểm thi kết thúc học phần	50	
Tổng cộng		100	

26.11. Ngày phê duyệt:

Cấp phê duyệt:

27. QUẢN LÝ HỆ THỐNG LOGISTICS

27.1. Tên học phần: Thiết kế hệ thống Logistics

27.2. Mã số: VLHT 527

27.3. Số tín chỉ: 2 tín chỉ (30 tiết)

27.4. Người phụ trách:

27.5. Khoa: Kinh tế

27.6. Mục tiêu học phần:

Mục tiêu của học phần Thiết kế hệ thống logistics là trang bị cho học viên các kiến thức cơ bản về hệ thống logistics bao gồm phần khái niệm, các bộ phận cấu thành, các hoạt động thiết kế hệ thống logistics. Sau khi kết thúc môn học, học viên sử dụng các phần mềm tin học để lập mô hình bài toán hệ thống logistics, tính toán, giải và phân tích kết quả của các mô hình nhằm phục vụ cho yêu cầu hỗ trợ công tác ra quyết định về hệ thống logistics.

27.7. Mô tả học phần:

Môn học có 4 chuyên đề.

- Chương 1 nghiên cứu tổng quan về hệ thống Logistics
- Chương 2 nghiên cứu các mô hình thiết kế hệ thống Logistics
- Chương 3 nghiên cứu việc sử dụng các công cụ tối ưu để thiết kế mạng lưới logistics
- Chương 4 phân tích chuyên đề các hệ thống logistics vận tải, phân phối

27.8. Nội dung chi tiết

<i>Chương</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Phân phối thời lượng</i>		
		<i>LT (tiết)</i>	<i>TL (tiết)</i>	<i>Tiểu luận (giờ)</i>
1	Tổng quan về hệ thống logistics <i>1.1. Logistics và hệ thống logistics</i> <i>1.2. Các mục tiêu của thiết kế hệ thống logistics</i> <i>1.3 Chiến lược thiết kế hệ thống logistics</i>	3	9	
2	Thiết kế mạng lưới logistics <i>2.1. Giới thiệu vấn đề</i> <i>2.2. Phân loại bài toán địa điểm</i> <i>2.3. Mô hình đơn bậc đơn sản phẩm</i> <i>2.4 Mô hình đa bậc đa sản phẩm</i>	3	9	

3	Sử dụng công cụ thiết kế mạng lưới logistics 3.1. Mô hình quy hoạch tuyến tính 3.2. Mô hình quy hoạch nguyên hỗn hợp 3.3 Phân tích độ nhạy	6	9	
4	Phân tích chuyên đề thiết kế mạng lưới logistics 4.1 Chuyên đề hệ thống vận tải nội địa 4.2. Chuyên đề hệ thống vận tải biển quốc tế 4.3. Chuyên đề hệ thống trung tâm phân phối	3	18	
Tổng cộng		15	45	60

Nội dung thảo luận: Các vấn đề chính trong mỗi bài học đặt ra và vận dụng vào thực tiễn.

Nội dung tiểu luận (60 giờ): Học viên bám sát vào chương trình giảng dạy để vận dụng vào giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra.

27.9. Tài liệu học tập và tham khảo

- Tài liệu học tập

Gianpaolo Ghiani, Gilbert Laporte, Roberto Musmanno, Introduction to Logistics Systems Planning and Control, Wiley 2004.

- Tài liệu tham khảo

[1] Jeremy F. Shapiro, Modeling the Supply Chain, 2nd edition, Duxbury 2007.

[2] Gianpaolo Ghiani, Gilbert Laporte, Roberto Musmanno, Introduction to Logistics Systems Planning and Control, Wiley 2004.

[3] Timm Gudehus, Herbert Kotzab, Comprehensive Logistics, 2nd edition, Springer 2012.

27.10. Thang điểm: 10/10

<i>TT</i>	<i>Nội dung đánh giá</i>	<i>Trọng số (%)</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Điểm thảo luận, kiểm tra	20	
2	Điểm tiểu luận	30	
3	Điểm thi kết thúc học phần	50	
Tổng cộng		100	

27.11. Ngày phê duyệt:

Cấp phê duyệt

28. HỆ THỐNG THÔNG TIN LOGISTICS

28.1. Tên học phần: Hệ thống thông tin Logistics

28.2. Mã số: VLTT 528

28.3. Số tín chỉ: 2 tín chỉ (30 tiết)

28.4. Người phụ trách:

28.5. Khoa: Kinh tế

28.6. Mục tiêu học phần:

Về kiến thức

- Nêu các khái niệm, vai trò của các loại hệ thống thông tin quản lý, các khái niệm và phương pháp quản lý phần cứng, phần mềm, dữ liệu, mạng truyền thông, Internet.
- Trình bày các phương pháp xây dựng, triển khai HTTT quản trị và tác động đến hoạt động và cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp.
- Phân tích các khả năng ứng dụng HTTT quản trị trong các hoạt động của doanh nghiệp ở cả ba cấp chiến lược, chiến thuật, và tác nghiệp

Về kỹ năng

- Vận dụng những kiến thức đã học vào công tác xây dựng, triển khai và quản lý HTTT trong tổ chức, doanh nghiệp.
- Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào các môn học tiếp theo và các công việc thực tiễn.
- Có các kỹ năng thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề về hệ thống thông tin.
- Có kỹ năng đề xuất, cải tiến và nâng cấp các HTTT.

28.7. Mô tả học phần:

Đây là một môn học trong chương trình đào tạo cao học chuyên ngành Quản lý vận tải và logistics. Môn học này nhằm trang bị cho các học viên các kiến thức chung về hệ thống thông tin quản lý logistics, các phương pháp xây dựng, triển khai hệ thống thông tin quản lý phục vụ hoạt động của doanh nghiệp logistics có hiệu quả.

28.8. Nội dung chi tiết

Chương	Nội dung	Phân phối thời lượng		
		LT (tiết)	TL (tiết)	Tiểu luận (giờ)
1	Giới thiệu về hệ thống thông tin quản lý 1.1. Phân loại thông tin trong doanh nghiệp 1.2. Phân loại hệ thống thông tin quản lý 1.3 Vai trò và tác động của hệ thống thông tin trong doanh nghiệp	3	9	
2	Các thành phần cơ bản của hệ thống thông tin 2.1. Phần cứng 2.2. Phần mềm 2.3. Cơ sở dữ liệu 2.4 Hệ thống truyền thông 2.5 Nhân lực	3	9	
3	Các hệ thống thông tin cấp chuyên gia và các hệ thống thông tin cấp chức năng. 3.1. Hệ thống thông tin cấp chuyên gia 3.2. Các hệ thống thông tin cấp chức năng trong doanh nghiệp	6	9	

4	Hệ thống thông tin hỗ trợ ra quyết định			
	4.1 Sử dụng hệ thống thông tin hỗ trợ cho công việc nhà quản lý	3	18	
	4.2. Quá trình ra quyết định trong doanh nghiệp			
	4.3. Hệ thống thông tin hỗ trợ ra quyết định			
Tổng cộng		15	45	60

Nội dung thảo luận: Các vấn đề chính trong mỗi bài học đặt ra và vận dụng vào thực tiễn.

Nội dung tiểu luận (60 giờ): Học viên bám sát vào chương trình giảng dạy để vận dụng vào giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra.

28.9. Tài liệu học tập và tham khảo

- Tài liệu học tập

Hệ thống thông tin quản lý, Phạm Thị Thanh Hồng – Phạm Minh Tuấn (Đại học Bách Khoa Hà Nội), NXB Khoa học Kỹ thuật năm 2007

- Tài liệu tham khảo

[1] Hệ thống thông tin quản lý, Nguyễn Thanh Hùng (Đại học Bách Khoa TP.HCM), NXB Đại học Quốc Gia TP.HCM năm 2006

[2] Hệ thống thông tin quản lý, Võ Văn Huy - Huỳnh Ngọc Liễu (Đại học Bách Khoa TP.HCM), NXB Khoa học Kỹ thuật năm 2001.

[3] Hệ thống thông tin quản lý, Trương Văn Tú - Trần Thị Song Minh, NXB Thống kê năm 2000.

- Các tài liệu khác theo sự hướng dẫn của giáo viên

28.10. Thang điểm: 10/10

<i>TT</i>	<i>Nội dung đánh giá</i>	<i>Trọng số (%)</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Điểm thảo luận, kiểm tra	20	
2	Điểm tiểu luận	30	
3	Điểm thi kết thúc học phần	50	
Tổng cộng		100	

28.11. Ngày phê duyệt:

Cấp phê duyệt

PHÂN CÔNG GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY

CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ VẬN TẢI VÀ LOGISTICS
MÃ SỐ: 8840103

Stt	Tên học phần	Số TC	Giảng viên giảng dạy	Đơn vị
1	Triết học	3	Giảng viên có bằng thạc sĩ trở lên của Khoa Lý luận chính trị.	
2	Anh văn	3	Giảng viên có bằng thạc sĩ trở lên của Khoa ngoại ngữ	
3	Kinh tế học	3	PGS. TS. Nguyễn Hồng Vân TS. Nguyễn Thị Thúy Hồng	ĐHHHVN ĐHHHVN
4	Phân tích hoạt động kinh tế trong doanh nghiệp VTB	3	TS. Nguyễn Thị Thúy Hồng TS. Phạm Thị Thu Hằng	ĐHHHVN ĐHHHVN
5	<i>Lý luận dạy đại học</i>	2	<i>PGS. TS. Phạm Văn Cường</i> <i>PGS. TS. Dương Văn Bạo</i>	<i>ĐHHP</i> <i>ĐHHHVN</i>
6	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	PGS. TS. Nguyễn Hồng Vân PGS. TS. Nguyễn Văn Sơn	ĐHHHVN ĐHHHVN
7	<i>Dự báo kinh tế</i>	2	<i>PGS. TS. Phạm Văn Cường</i> <i>PGS. TS. Vũ Trụ Phi</i>	<i>ĐHHP</i> <i>ĐHHHVN</i>
8	Thống kê kinh tế	2	TS. Phạm Thu Hằng TS. Nguyễn Thanh Phương	ĐHHHVN ĐHHHVN
9	Quản lý khai thác đội tàu vận tải biển	2	TS. Nguyễn Hữu Hùng TS. Phạm Việt Hùng	ĐHHHVN ĐHHHVN
10	Quản lý khai thác cảng biển	2	PGS. TS. Đặng Công Xưởng PGS. TS. Nguyễn Văn Sơn	ĐHHHVN ĐHHHVN
11	Logistics quốc tế	2	TS. Nguyễn Minh Đức PGS. TS. Dương Văn Bạo	ĐHHHVN ĐHHHVN
12	Logistics vận tải	2	TS. Phạm Thị Yến TS. Nguyễn Thị Liên	ĐHHHVN ĐHHHVN
13	Quản trị kho hàng	2	TS. Phạm Việt Hùng PGS. TS. Đặng Công Xưởng	ĐHHHVN ĐHHHVN
14	Quản trị dự án đầu tư trong DN VTB & Logistics	2	TS. Vũ Sơn Tùng TS. Mai Khắc Thành	ĐHHHVN ĐHHHVN
15	Pháp luật vận tải biển	2	TS. Nguyễn hữu Hùng TS. Phạm Việt Hùng	ĐHHHVN ĐHHHVN
16	Marketing trong Logistics	2	PGS. TS. Nguyễn Hoàng Tiệm TS. Mai Khắc Thành	HKTHP ĐHHHVN
17	Quản lý giao nhận hàng hóa	2	TS. Bùi Thị Thanh Nga	ĐHHHVN

	quốc tế		PGS. TS. Dương Văn Bạo	ĐHHHVN
18	Kinh tế đối ngoại	2	PGS. TS. Dương Văn Bạo PGS. TS. Đan Đức Hiệp	ĐHHHVN UBNDTP
19	<i>Ứng dụng các phương pháp toán trong quản lý VTB</i>	2	<i>PGS. TS. Phạm Văn Cương PGS. TS. Vũ Trụ Phi</i>	<i>ĐHHP ĐHHHVN</i>
20	<i>Quản lý khai thác thương vụ</i>	2	<i>PGS. TS. Nguyễn Văn Sơn TS. Nguyễn Hữu Hùng</i>	<i>ĐHHHVN ĐHHHVN</i>
21	Quản trị chiến lược chuỗi cung ứng	2	PGS. TS. Trịnh Thu Hương TS. Nguyễn Thị Liên	ĐHNT ĐHHHVN
22	Logistic trong sản xuất, thương mại và VTB quốc tế	2	PGS. TS. Trần sỹ Lâm PGS. TS. Nguyễn Văn Sơn	ĐHNT ĐHHHVN
23	Kế toán quản trị	2	TS. Đỗ Thị Mai Thơm PGS. TS. Nguyễn Văn Sơn	ĐHHHVN ĐHHHVN
24	<i>Quản lý kỹ thuật đội tàu vận tải biển</i>	2	<i>TS. Nguyễn Hữu Hùng TS. Phạm Việt Hùng</i>	<i>ĐHHHVN ĐHHHVN</i>
25	<i>Quản lý năng lượng</i>	2	<i>PGS. TS. Trần Anh Dũng TS. Vương Đức Phúc</i>	<i>ĐHHHVN ĐHHHVN</i>
26	Quản lý Nhà nước về kinh tế	2	PGS. TS. Đặng Công Xưởng PGS. TS. Nguyễn Hoàng Tiệm	ĐHHHVN HKTHP
27	Quản lý hệ thống Logistics	2	TS. Nguyễn Minh Đức TS. Nguyễn Thị Liên	ĐHHHVN ĐHHHVN
28	<i>Hệ thống thông tin Logistics</i>	2	<i>TS. Phạm Thị Yến TS. Nguyễn Hữu Tuân</i>	<i>ĐHHHVN ĐHHHVN</i>